

NGƯỜI ĐỔI TÊN LÀ HỒ CHÍ MINH TỪ BAO GIỜ?

Từ giữa năm 1942, Thế giới đại chiến thứ 2 đã bước vào giai đoạn quyết liệt nhất, đẫm máu nhất. Trên mặt trận phía Tây, những binh đoàn hùng mạnh phát xít Đức ngày càng xiết chặt thông lọng vây hãm Xanh Pê-téc-bua (Lê-nin-gờ-rát). Hàng triệu dân Pê-téc-bua chỉ còn 2 gam bánh mì một ngày. Những binh đoàn hùng mạnh khác của phát xít Đức chỉ còn cách trung tâm Mát-xcơ-va tính bằng cây số.

Trên mặt trận phía Đông, phát xít Nhật đã chiếm đóng toàn bộ miền Duyên Hải Trung Quốc đông người nhiều của, chiếm đóng thủ đô Nam Kinh của Chính phủ Trung ương Quốc dân đảng (đã di chuyển về Trùng Khánh từ năm 1937). Chỉ trong hai ngày chúng đã hãm hiếp, giết chết 20.000 phụ nữ và trẻ em gái. Những phi đội Thần Phong cảm tử của Thiên hoàng Nhật rú rít trên bầu trời Đông Nam Á Thái Bình Dương cùng với những hải đoàn hạm đội của Thiên Hoàng đã nuốt sống Trân Châu Cảng. Biển Đông như cái ao của chúng vậy.

Quân đội Thiên hoàng tràn vào Việt Nam trước sự ngỡ ngàng của hàng vạn lính Pháp và Toàn quyền Đờ-cu. Nước mẹ Pháp của họ đã bị Đức chiếm đóng. Những đội quân “lùn” lê kiếm sắc trên các con đường, các vùng chiến lược ở Việt Nam, trước hết là Bắc Việt Nam. Ngày 22/9/1940, chỉ vài giờ nổ súng và gõ mõ thay súng, Nhật đã hạ gục Pháp ở Lạng Sơn tạo thế gọng kìm uy hiếp Nam Trung Quốc - một trong bốn đồng minh chống phát xít Nhật ở Mặt trận phía Đông.

Nhưng quân đội Quốc dân đảng của ông Tổng thống Tưởng Giới Thạch vừa đánh vừa xem Tân Tứ quân và Bát Lộ quân của Đảng Cộng sản Trung Quốc đánh Nhật (tọa sơn khán hổ đấu)! Ông ta chú ý nhiều đến Việt Nam nên đã chủ trương “Hoa quân nhập Việt”. Từ cuối năm 1939 đến lúc đó, người ta cứ thấy ở Tĩnh Tây, Nà Po (giáp Cao Bằng), Long Châu (giáp Lạng Sơn) ngày càng nhiều sắc lính đến đồn trú: Quân đoàn đã chiến và lực lượng du kích vượt biên của Tướng Sái Đình Khải, Tướng Trần Bảo Xương chỉ huy thành lập Bộ Tư lệnh Tiền phương của Đệ tứ chiến khu. Nổi đình nổi đám hơn là quân biên cảnh của Trương Bội Công (người Việt Nam) với hàng ngàn quân tuyển mộ trong số thanh niên Hoa kiều ở Việt Nam.

Tĩnh Tây - một huyện miền núi cực nam tỉnh Quảng Tây bỗng chốc trở thành huyện lính. Lính nhiều hơn dân. Huyện lỵ Tĩnh Tây là nơi đặt Sở chỉ huy của Trương Bội Công. Quân biên cảnh của Trương Bội Công có nhiệm vụ luôn sâu vào Bắc Việt Nam, chủ yếu là các tỉnh giáp với Trung Quốc (Cao Bằng - Lạng Sơn - Lào Cai - Hà Giang...) để do thám việc di chuyển của quân đội Nhật. Nhưng, nhiệm vụ hàng đầu của quân biên cảnh Trương Bội Công là dò la sự hoạt động của Mặt trận Việt Nam Độc lập Đồng minh, Đảng Cộng

Người đổi tên là Hồ Chí Minh từ bao giờ?

sản Đông Dương đang phát triển sâu và rộng trên toàn lãnh thổ Việt Nam.

Vào một ngày cuối tháng 8/1941, một tổ thám báo mang về Tĩnh Tây trình Trương Bội Công tờ truyền đơn "*Kính cáo đồng bào*" của Nguyễn Ái Quốc đề ngày 6/6/1941. Tờ truyền đơn in li-tô kêu gọi các giới đồng bào ta ở thành thị cũng như nông thôn, ở miền núi cũng như miền xuôi hãy đoàn kết lại, cùng nhau đứng lên đánh đuổi Nhật, Pháp giành lại Độc lập - Tự do cho Tổ quốc!

Trương Bội Công thất sắc, hốt hoảng:

- Nguyễn Ái Quốc đã trở về Việt Nam? Ông ta về bằng đường nào? Từ bao giờ?

Tin tức tối quan trọng này lập tức được Trương Bội Công báo cáo lên Bộ Tư lệnh Đệ tứ chiến khu ở Liễu Châu, Văn phòng Đại diện Chính phủ Trung ương Quốc dân đảng do Tướng Lý Tế Thâm đứng đầu ở Quế Lâm. Từ đây, tin tức quan trọng bậc nhất này lại được nhanh chóng điện khẩn về Trùng Khánh - nhiệm sở Chính phủ Trung ương Quốc dân đảng sơ tán tránh Nhật.

Kế hoạch "Hoa quân nhập Việt" được Tổng thống Tưởng Giới Thạch ưu tiên xúc tiến gấp gáp: bổ sung thêm quân số, vũ khí, phương tiện quân sự. Ông ta cũng đã đồng ý với người đứng đầu Bộ Tư lệnh Đệ tứ chiến khu là Tướng Trương Phát Khuê cần xúc tiến ngay Đại hội "Việt Nam Cách mạng Đồng minh Hội" dự định họp vào tháng 10/1942. Ông Nguyễn Hải Thần (Tú Đại từ) được chỉ định làm Trưởng ban trù bị. Các vị chính khách của Việt Nam Quốc dân đảng (hậu Nguyễn Thái Học) như Vũ Hồng Khanh, Nghiêm Kế Tổ... Việt Nam Phục quốc quân của Trần Văn An (con nuôi Kì Ngoại Hầu Cường Để), Trần Bảo (Ngô Chính Học)... đã lục tục kéo nhau về Liễu Châu tham dự Đại hội.

Như vậy là Tướng Giới Thạch đã chuẩn bị khá chu đáo cho “Hoa quân nhập Việt” với số quân chính qui đông tới 500.000 người, cùng một bộ máy chính trị, hành chính theo thể chế “Trung Hoa Dân quốc” đã và đang được sắp xếp tại Liễu Châu. Người làm Tổng thống “Việt Nam Dân quốc” tại Hà Nội sẽ là ông Nguyễn Hải Thần. (Nhưng mãi tới tháng 8/1945, khi Nhật đã đầu hàng Đồng Minh vô điều kiện, ông Tướng Giới Thạch mới lệnh cho 200.000 “Hoa quân nhập Việt” chỉ để thu khí giới kẻ bại trận. Các “chính khách Việt Nam” lưu vong ở Liễu Châu được Đệ tứ Chiến khu nuôi dưỡng cũng lục tục trở về Việt Nam dưới cái ô của Tướng Lư Hán, Tướng Tiêu Văn, Tướng Tổng Tham mưu trưởng Hà Ứng Khâm.

Không phải đánh Nhật, công việc quan trọng hàng đầu của ông Tướng Giới Thạch là chỉ thị thuộc hạ của ông phải thực hiện bằng được chủ trương “Cầm Hồ diệt Cộng”!

Bộ Tư lệnh “Hoa quân nhập Việt” 200.000 quân của ông ta đã làm như thế. Nhưng âm mưu độc ác của họ đã phá sản thảm hại. Họ phải tay trắng rút về nước từ đầu năm 1946.

Cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh vẫn đứng vững và phát triển.

*

* *

Biết rằng đường đến Trùng Khánh biết bao khó khăn chồng chất, cạm bẫy rình rập. Nhưng với kinh nghiệm đấu tranh cách mạng, sáng suốt trong chỉ đạo; Già Thu (tên Người từ sau khi về nước ở Pắc Bó) cho rằng cách mạng nước ta phải biết kết hợp, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ của bạn bè quốc tế, sức mạnh của chúng ta sẽ được nhân lên nhiều lần.

Người đổi tên là Hồ Chí Minh từ bao giờ?

Trong số đồng chí, cộng sự gần gũi làm việc với Người không ai có nhiều kinh nghiệm quốc tế, không ai hiểu Quốc dân đảng Trung Quốc bằng Người.

Vậy là Người phải đi Trùng Khánh để nắm bắt thời cuộc Thế chiến, để tranh thủ sự giúp đỡ của Quốc tế, quảng bá giới thiệu phong trào chống phát xít tại Việt Nam (Người bị bắt giữ trái phép tại Túc Vinh ngày 29/8/1942, nên không đến được Trùng Khánh. Sau khi được trả tự do, Người trở về nước cuối năm 1944, cùng ông Phùng Thế Tài lại qua Tịnh Tây đến Côn Minh (Vân Nam) liên lạc với Bộ Tư lệnh Tập đoàn Không quân Mĩ số 14 do Tướng Cờ le L. Sê-nô làm Tư lệnh. Sê-nô tiếp đón Người như thượng khách. Ông ta ngỏ lời sẵn sàng giúp đỡ Việt Minh cùng với Đồng Minh chống Nhật. Chuyến đi ấy của Hồ Chí Minh có hiệu quả tức thì).

Người lên đường đi Trùng Khánh lần thứ ba vào một ngày thượng tuần tháng 8/1942 kể từ khi Người rời Mát-xcơ-va cuối thu năm 1938. Đường từ Cao Bằng (Việt Nam) đi Trùng Khánh phải qua Tịnh Tây, là đường liên và gần nhất, mặc dù nhà cầm quyền Quốc dân đảng Trung Quốc ở địa phương, Bộ Tư lệnh tiền phương Đệ tứ chiến khu đã và đang ra sức lùng sục những người Việt Nam khả nghi!

Trong cuộc đời hoạt động, lãnh đạo cách mạng giành độc lập, tự do cho dân tộc, cho đất nước, không ít hơn mười lần Người phải thay tên đổi họ, phải thay hình đổi dạng để tránh sự lùng sục của cơ quan Phòng Nhì Pháp có sự phối hợp với các cơ quan mật vụ, lính kín của các thế lực thù địch thực dân đế quốc khác.

Còn nhớ, ngày 13/6/1923, khi Người bí mật rời khỏi số 9 ngõ Công - poanh (Pari), Người đã thoát khỏi vòng vây

của lính kín Bộ thuộc địa Pháp đứng đầu là An-be Sarô, nguyên toàn quyền Đông Dương. Người cải trang là một nhà buôn giàu có với cái tên ZHEN WANG (Trần Vương) trên một toa tàu hạng sang vượt biên giới Pháp - Đức sang Liên Xô. Danh tính Trần hoặc Vương, từ tháng 2/1940 Người đã dùng lại khi bắt được liên lạc với Ban Hải ngoại của Đảng ở Côn Minh.

Ngày 6/5/1931 khi nhà cầm quyền Anh tại Hương Cảng bắt giữ Người với cái tên Tống Văn Sơ, thì trước đó, cuối năm 1929, Tòa Đại hình Vinh đã tuyên án tử hình Nguyễn Ái Quốc. Nếu đây là Nguyễn Ái Quốc thì cảnh sát Hoàng gia Anh chỉ việc giao người cho cảnh sát Pháp áp giải về Việt Nam thi hành bản án đã tuyên và lĩnh tiền thưởng.

Nhưng, không ! Đây là Tống Văn Sơ

Lại nữa, từ tháng 1/1933 khi Người đã bí mật thoát khỏi Hương Cảng đến Thượng Hải, trên đường trở lại Mátxcova; nhờ một người hảo tâm giúp đỡ, Người đóng vai một nhà buôn giàu có tá túc trong một khách sạn sang trọng ở khu Đông; khi cần ra ngoài, Người khoác bộ đồ sang trọng, mũ phớt, giày da đen bóng. Nhưng... khi trở về khách sạn, Người đóng chặt cửa phòng, ăn khoai luộc trừ bữa, tự giặt quần áo.

Một buổi sáng, tháng 2/1940 trong bộ đồ sang trọng, thời thượng, Người đến Hăng Dầu cù là Vĩnh An Đường tìm ông Trịnh Đông Hải (Vũ Anh). Người tự giới thiệu bằng tiếng Trung Quốc:

- Tôi là Trần có việc cần gặp ông.

Trần tiên sinh hẹn gặp ông Trịnh Đông Hải tại một vườn hoa cách xa hăng Vĩnh An Đường vào buổi chiều cùng ngày. Ngay ngày hôm sau, ông Trịnh Đông Hải dẫn Trần tiên sinh đến nơi ở của ông Phùng Chí Kiên - Trưởng Ban Hải ngoại Trung ương kiêm Bí thư chi bộ Đảng.

Người đổi tên là Hồ Chí Minh từ bao giờ?

Nhắc thấy Người, ông Phùng Chí Kiên thẳng thốt reo lên:

- Anh...!

Cho đến lúc ấy, chỉ một mình ông Phùng Chí Kiên biết Người là Nguyễn Ái Quốc, là Lý Thụy.

Năm 1926, ông Phùng Chí Kiên được Người kết nạp vào Hội Việt Nam cách mạng thanh niên, được theo học khóa “Việt Nam đặc biệt Huấn luyện Ban”. Từ năm 1926 - 1927 - 1928 ông được Người giới thiệu vào học tại Học viện Quân sự Hoàng - Phố cùng với ông Nguyễn Sơn, Lê Thiết Hùng, rồi được Người giới thiệu vào học Trường Đại học Quân sự ở Mátxcơva.

Trước đây một tháng, ông Phùng Chí Kiên đã đi Quý Dương (Quý Châu) đón Người nhưng không gặp.

Trần tiên sinh, Vương tiên sinh là danh tính Người thường dùng đến khi về nước (2-1941). Ở Pắc Bó Người có tên mới là Già Thu. Người cận vệ trung thành là Nghĩa (Phùng Thế Tài) cũng chỉ biết Người là Cụ Vương, Cụ Trần hoặc là Già Thu.

Một hôm Nghĩa hỏi Già Thu:

- Thưa Cụ, sao mãi không thấy cụ Nguyễn Ái Quốc về nước?

Người hóm hỉnh:

- Chú muốn gặp cụ Nguyễn Ái Quốc à? Chắc cụ ở đâu đây thôi.

Trước và sau Hội nghị Trung ương 8 khóa 1, chỉ có các ông Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp, Hoàng Văn Thụ, Hoàng Đình Gióng, Hoàng Văn Hoan, Hoàng Quốc Việt, Phùng Chí Kiên, Vũ Anh là biết được tên thực của Người.

Sau Hội nghị Trung ương 8, bà Trương Thị Mỹ (sau này là Phó chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam)

được Trung ương cử lên Pắc Bó học một khóa chính trị ngắn ngày, đồng thời chuyển mật thư của Trung ương lên Già Thu. Bà nhớ lại:

- ...*Một lát sau, “Ông Kế” ra lán gặp tôi, tự giới thiệu: “Tôi là người liên lạc của Già Thu! Cô cứ giao thư của Trung ương cho tôi, tôi sẽ chuyển lên Già Thu...”*

Từ đó đến khi mãn khóa học, bà Trương Thị Mỹ không được gặp Già Thu nhưng bà lại được “người liên lạc của Già Thu”, “Ông Kế” đến giảng bài. “Ông Kế” giảng đến đâu hiểu đến đó!

Mãn khóa học, bà Mỹ trở về hoạt động tại Hoài Đức Hà Đông.⁽¹⁾ Tháng 8/1945, bà lãnh đạo quần chúng giành chính quyền cách mạng tại Hoài Đức. Đêm 1-9 rạng sáng 2-9, bà náo nức dẫn đầu Đoàn đại biểu quân dân Hoài Đức tỉnh Hà Đông ra Hà Nội tham dự lễ độc lập. Bà được đứng gần lễ đài. Khi loa phóng thanh vang lên giới thiệu Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc “Tuyên ngôn Độc lập”, bà bàng hoàng cảm động ứa nước mắt.

Chủ tịch Hồ Chí Minh - Cha già Dân tộc là “người liên lạc của Già Thu” bà đã được gặp ở Lam Sơn (địa điểm lớp học) cuối năm 1941.

Vậy Già Thu đổi tên là Hồ Chí Minh từ bao giờ?

Ông Vũ Anh (Trịnh Đông Hải) sau này là Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Đảng đoàn, Thứ trưởng Bộ Công nghiệp nhẹ kể lại trong tập hồi ký “Đầu nguồn”.

“... Vào khoảng cuối tháng 6/1942, tại Pắc Bó, tôi được giao nhiệm vụ chuẩn bị hành trang cho Người và ông Lê Quảng Ba đi Trùng Khánh (Trung Quốc). Ngoài quần áo, tiền đi đường, tôi còn chuẩn bị cho Người những giấy tờ cần thiết theo chỉ dẫn:

(1) Từ ngày 1-8-2008 đều thuộc về thành phố Hà Nội.

Người đổi tên là Hồ Chí Minh từ bao giờ?

- Danh thiếp mang tên Người là Hồ Chí Minh, dưới tên là hàng chữ “Phân hội Việt Nam Hội Quốc tế chống xâm lược”.

- Danh thiếp mang tên Người là Hồ Chí Minh, dưới tên là hàng chữ “Ký giả Thông tấn xã Quốc tế”.

- Giấy giới thiệu của Việt Nam Độc lập Đồng minh Hội (Việt Minh) và giấy giới thiệu của “Phân hội Việt Nam Quốc tế chống xâm lược”.

... Để có dấu (triện) đóng vào giấy giới thiệu, tôi tìm những viên đá mềm mài nhẵn rồi khắc hai con dấu tròn: Một con dấu của “Việt Nam Độc lập Đồng minh”; một con dấu của “Phân hội Việt Nam Hội Quốc tế chống xâm lược”. Dấu khắc tay, nhưng nét chữ rất sắc!...”

Vậy là từ đó, người có tên là Hồ Chí Minh. Đây là điều khẳng định. Bởi, ngày 19/5/1941 khi Người viết “Lời kêu gọi quốc dân đồng bào” nhân dịp thành lập Mặt trận “Việt Nam Độc lập Đồng minh” và sau đó, ngày 6/6/1941 Người viết “Kính cáo đồng bào”, Người đều kí tên là Nguyễn Ái Quốc.

Chúng ta, kể cả những cán bộ cấp cao, được gần gũi làm việc bên Người nhiều năm như các ông Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp, Vũ Anh, Lê Thiết Hùng... chưa bao giờ được nghe nói tại sao Người lại đổi tên là Hồ Chí Minh.

Có lần, tôi với tư cách nhà báo, mạnh dạn hỏi ông Vũ Anh (Trịnh Đông Hải) khi ông đang là Thứ trưởng, Bí thư Đảng đoàn Bộ Công nghiệp nhẹ - người trực tiếp được Hồ Chí Minh giao trọng trách chuẩn bị giấy tờ (in danh thiếp, giấy giới thiệu) và hành lý hồi tháng 6/1942, ông Vũ Anh chỉ cười:

- Bác bảo làm thế nào thì làm như thế, không dám hỏi lại!

Năm 2001, tôi hành hương trên con đường dài từ Tịnh Tây - Liễu Châu - Quế Lâm để tìm lại dấu chân Người khi nhà cầm quyền Quốc dân đảng Trung Quốc bắt giữ, áp giải Người qua 18 nhà giam, 13 huyện thị từ Nam đến Bắc Quảng Tây, tôi đã tìm đến nhà ông Từ Vỹ Tam ở Pá Mông, một trong những người anh em kết nghĩa với bác Hai (Vương tiên sinh). Bà Nông Mộng Ché, vợ ông Từ Vỹ Tam kể:

“... Chiều gần tối hôm đó, tôi đi làm đồng về, thấy Bác Hai và bác Lê Quảng Ba đang ngồi nói chuyện với ông nhà tôi (ông Từ Vỹ Tam). Tôi chào, hỏi thăm sức khỏe Bác Hai và bác Lê Quảng Ba rồi xin phép xuống bếp thổi cơm. Người sang đây từ quá trưa, chắc đói bụng rồi.

Những lần trước Người sang đây làm việc thường ở lại vài ngày mới trở về Việt Nam. Lần này Người giới thiệu tên Người là Hồ Chí Minh. Nhưng... chúng tôi vẫn quen gọi Người là Bác Hai!

... Buổi tối, sau khi ăn cơm xong, mấy anh em kết nghĩa đến nhà ông Từ Vỹ Tam thăm Người. Ông Từ Vỹ Tam nói: Ngày kia là Tết Trung Nguyên (Tết Rằm tháng Bảy âm lịch), lệ làng thường cúng vào ngày 14, tức ngày mai. Mời anh Hai ở lại ngày mai ăn Tết với gia đình chúng em! Mỗi người một câu tha thiết mời Bác Hai và bác Lê Quảng Ba. Người đồng ý ở lại.

Hôm sau, Người dậy sớm sang Ngàn Tấy, Nậm Quang thăm hỏi gia đình một số anh em kết nghĩa. Qua những vạt lúa đang ngâm hạt, Người nói với Vương Tích Cơ và Từ Vỹ Tam: “Vụ này sẽ thu hoạch khá. Nhưng nông dân Trung Quốc và nông dân Việt Nam đều còn rất thiếu ăn, đều khổ như nhau. Sau này cách mạng thành công, nông dân 2 nước chúng ta sẽ hết đói, hết khổ! Người còn nói: “Anh em Trung Quốc đã giúp đỡ chúng tôi rất nhiều.

Người đổi tên là Hồ Chí Minh từ bao giờ?

Chúng tôi sẽ ghi nhớ mãi mãi. Từ nay về sau, chúng tôi vẫn cần sự giúp đỡ của anh em 'Trung Quốc'.

Vương Tích Cơ nói:

- Thưa anh Hai, anh em chúng ta là một nhà, đối, no, sướng, khổ có nhau!

Tối 14 (Âm lịch) gia đình Từ Vỹ Tam cúng rằm tháng 7. Ngoài số người trong gia đình, Từ Vỹ Tam còn mời Vương Tích Cơ, Hoàng Tài Hán, Hoàng Đức Quyền và Dương Đào tới dự tiệc rượu (số anh em này ở gần nhà Từ Vỹ Tam). Anh em kết nghĩa gặp nhau, tiệc rượu rất vui.

Dương Đào năm ấy mới 19 tuổi, thấy chân bác Lê Quảng Ba vẫn còn sưng tấy nên nói:

- Sáng mai cháu xin đi với Hồ bá bá (Bác Hồ) đến Bình Mã. Cháu thuộc đường Bình Mã... Mọi người nhất trí để Dương Đào tháp tùng Bác Hai đi Bình Mã.

Sớm ngày 29/8/1942, hai bác cháu rời nhà Từ Vỹ Tam lên đường nhằm hướng Đức Bảo. Hồ Chí Minh mặc đồ xanh chàm, khoác thêm một chiếc áo khoác ngoài, lưng đeo túi lưới đựng vật dụng, tay cầm gậy chống. Độ này Người đã để râu. Trông Người giống một thầy địa lý đi tìm đất tốt. Dáng vẻ người thật ung dung, hiền triết! Nhưng làm sao mà biết được cạm bẫy đang rình rập Người!

Dương Đào còn người em ruột là Dương Thăng Cường nhà ở gần đấy. Ông Dương Thăng Cường nhớ lại:

"Năm ấy (1942) tôi mới 14 tuổi nên không hiểu những chuyện của người lớn. Mấy lần Hồ bá bá sang Pá Mông, tôi đều được thấy Người. Lần cuối cùng tôi theo anh tôi tháp tùng Hồ bá bá một quãng đường mới quay về nhà. Đây cũng là lần cuối cùng tôi chia tay anh, tôi không bao giờ được gặp anh nữa!".

Ông Dương Thăng Cường cảm động khoe:

Năm 1963, vào dịp Quốc khánh Việt Nam (2/9) Hồ bá bá đã cho người đến Tịnh Tây, Nà Po, Long Châu mời anh em kết nghĩa sang thăm Hà Nội. Tôi cũng được mời đến Việt Nam. Nếu anh tôi còn sống chắc là anh được đi. Một người dân bình thường được Chủ tịch nước mời sang chơi thật là vinh dự. Chúng tôi được đến Phủ Chủ tịch thăm Người. Người ôn lại chuyện Người qua lại Tịnh Tây, Nà Po công tác. Người hỏi thăm từng anh em. Người chẳng quên một ai. Người gọi Dương Đào là Liệt sĩ Việt Nam...! Chúng tôi cảm động quá. Khi ra về Người còn cho quà và vật kỉ niệm!

Dương Đào tháp tùng Người đi đến phố chợ Túc Vinh (trên đường đến Đức Bảo) thì cả hai bác cháu bị bắt giữ. Khi chúng áp giải hai bác cháu về Tịnh Tây, chúng đã tách ra giam riêng. Khi chúng áp giải Người đi Liễu Châu, Quế Lâm chúng cũng giam giữ riêng.

Cụ Lương Hoàn Văn, Tôn Phúc Minh, Cao Nhật Tân là những nhân chứng còn sống đã chứng kiến và nhớ rất rõ cảnh sát bắt giữ trái phép Hồ Chí Minh và Dương Đào buổi chiều ngày 29/8/1942 tại phố chợ Túc Vinh (có sách ghi ngày Người bị bắt là 28/8/1942 là không đúng). Bài thơ "Bị bắt giữ ở Túc Vinh" Người ghi là 29/8/1942.

Cụ Tôn Phúc Minh kể:

- Chợ chiều đã vãn, chúng tôi đang chơi cầu ở đầu chợ thì thấy 2 bố con Ông già đi tới. Bỗng không biết từ đâu, cảnh sát Mã Hiếu Vinh xông ra chặn lại, đòi xem giấy tờ của 2 bố con Ông già. Chúng tôi bỏ chơi cầu, chạy lại chỗ Ông già đang lục túi lấy giấy tờ trình cảnh sát. Ngày càng có nhiều người kéo đến xem. Ông già rất ung dung, bình tĩnh. Còn người trẻ (chỉ Dương Đào) thì rất bức bối, khó chịu với cảnh sát Mã Hiếu Vinh... Dù đã hơn 60 năm rồi nhưng dân ở phố chợ này vẫn nhớ mặt từng tên

Người đổi tên là Hồ Chí Minh từ bao giờ?

cảnh sát. Chúng ác lắm. Chúng chỉ rình rập dân lương thiện để moi tiền. Cảnh sát Mã Hiếu Vinh xem đi xem lại giấy tờ rồi lục soát cả túi đồ của Ông già!

Trời tối dần, tên cảnh sát vẫn không chịu để 2 bố con Ông đi. Lúc ấy, có hai người trong phố chợ mang bánh ngô và bình nước đến mời hai bố con Ông già ăn bánh, uống nước. Ông già cảm ơn người biếu quà bằng tiếng Pạc Và (thổ ngữ dân tộc vùng Quảng Tây). Lát sau, lại có một tên cảnh sát nữa hăm hè, xồng xộc đi tới.

Trời tối đã lâu, mọi nhà đã lên đèn, chúng đưa hai bố con Ông già về trụ sở thôn. Từ trụ sở thôn, chúng lại đưa 2 bố con Ông già về nhà Hoàng Chí Quang, rồi nhà Lục Văn Phôi. Nơi thứ tư trong đêm, chúng giam giữ 2 người tại nhà thôn trưởng Mã Kiếm Hùng, cách phố chợ Túc Vinh chừng 500m. Có lẽ chúng sợ dân đến đánh tháo hai bố con Ông già...!"

Cụ Tôn Phúc Minh kể: Ông già không được khỏe, râu đen nhưng mái tóc đã có sợi bạc. Đặc biệt, đôi mắt Ông rất sáng, vùng trán rộng.

Cụ Lương Hoàn Vinh nhớ lại:

- Khi cảnh sát dẫn hai bố con Ông già đến nhà Lục Văn Phôi thì dăm bảy đứa chúng tôi đi theo. Cũng chỉ là tò mò thôi. Đến nhà Lục Văn Phôi; chúng chỉ vào một cái ghế, bảo Ông già ngồi xuống. Người trẻ thì hết sức bức tức, luôn miệng dẫn giọng phản đối. Cảnh sát thấy chúng tôi xúm lại ngày càng đông, liền đuổi chúng tôi đi. Đêm đó chắc là hai bố con Ông già không được ngủ.

Sáng hôm sau, khoảng 9 giờ, có hai cảnh sát trên huyện xuống Túc Vinh dẫn giải 2 bố con Ông già về huyện. Từ đấy chúng tôi không được tin gì về hai bố con Ông già nữa.

Mãi đến năm 1950, Trung Quốc vừa được giải phóng, một số anh em bên Việt Nam sang đây công tác, chúng tôi mới được biết: “Ông thầy địa lý người Nùng bị cảnh sát bắt giữ hồi ấy là Chủ tịch Hồ Chí Minh của Việt Nam hiện nay...!”

Về sự kiện “Hồ Chí Minh bị bắt giữ trái phép”; có hai cách giải thích:

- Bọn cảnh sát ở chợ Túc Vinh thấy người lạ đi qua khu vực tuần phòng của chúng nên kiểm soát vội vàng. Nhưng khi Hồ Chí Minh xuất trình “Thẻ Nhà báo”, không có tiền kèm theo; chúng liền trở mặt. Chúng lôi từ trong túi áo Người:

- Danh thiếp mang tên Người là Hồ Chí Minh - “Phân hội Việt Nam Hội Quốc tế chống xâm lược”.

- Danh thiếp mang tên Người là Hồ Chí Minh - Ký giả Thông tấn xã Quốc tế.

- “Giấy thông hành đặc biệt” dùng trong quân đội Quốc dân đảng Trung Quốc của Đệ tứ Chiến khu do Tướng Tư lệnh Đệ tứ Chiến khu Trương Phát Khuê ký. Nhưng giấy này đã quá thời hạn sử dụng (*Theo bút lục của Trương Phát Khuê được trích in cùng với nhiệt bài viết của các Tướng lĩnh Đệ tứ Chiến khu trong tập kỉ “Hồ Chí Minh ở Trung Quốc” do Nhà xuất bản Đài Bắc (Đài Loan) xuất bản, phát hành năm 1971 - 1972 - PQT.*

Một cách giải thích khác: Hồ Chí Minh bị bắt giữ, thời gian áp giải kéo dài là chủ trương của nhà cầm quyền chớp bu Quốc dân đảng Trung Quốc và Đệ tứ Chiến khu. Họ cho rằng Người sang Trung Quốc không phải là đi Trùng Khánh mà đến Liễu Châu để gây ảnh hưởng của Việt Nam Độc lập Đồng minh (Việt Minh) và Đảng Cộng sản Đông Dương với các “chính khách Việt Nam” lưu vong tại Liễu Châu; phá Đại hội Việt Nam Cách mệnh

Người đổi tên là Hồ Chí Minh từ bao giờ?

Đồng minh Hội sẽ họp vào tháng 10 tới! Họ cần xác định danh tính Người có phải là Nguyễn Ái Quốc?

Về tuổi tác và giọng nói, hình dạng thì “có vẻ” Người là Nguyễn Ái Quốc. Vậy là, cần phải đưa Người trở lại Tĩnh Tây.

Tại Tĩnh Tây, cơ quan mật vụ Quốc dân đảng, quân biên cảnh của Trương Bội Công có hàng ngàn người, có thể bằng nhiều biện pháp nghiệp vụ nhận dạng ra Nguyễn Ái Quốc!

Trong cái rủi, tình cờ lại có sự may mắn khôn cùng cho cả dân tộc, đất nước ta, có ý nghĩa quyết định trong quá trình đấu tranh để nhà cầm quyền Quốc dân đảng phải trả tự do cho Người.

Ngày 1/9/1942 là chợ phiên Tĩnh Tây; cũng là ngày Hồ Chí Minh và Dương Đào bị nhà cầm quyền huyện Đức Bảo theo lệnh Bộ Tư lệnh Đệ tứ chiến khu áp giải Người trở lại Tĩnh Tây.

Bà chị ruột ông Từ Vỹ Tam đang trên đường vào chợ chợt thấy Bác Hai và cháu Dương Đào bị xích tay, có hai cảnh sát đi kèm về phía huyện đường. Bà hốt hoảng bỏ buổi chợ, chạy thốc tháo về nhà báo cho em trai và bác Lê Quảng Ba đang ở nhà Từ Vỹ Tam đắp thuốc chữa chân đau.

Hôm sau ông Vương Tích Cơ (một trong những người anh em kết nghĩa với Bác Hai), ông Lê Quảng Ba nhờ một người quen làm việc ở huyện đường Tĩnh Tây bí mật vào nhà giam gặp được Bác Hai. Ngày hôm sau nữa, mặc dù chân còn đau, ông Lê Quảng Ba nhanh chóng về Pắc Bó báo cho các đồng chí ở nhà biết tin dữ và truyền đạt những lời dặn dò của Người.

Từ đó những cuộc hội họp, kí kiến nghị của Việt kiều ta ở Côn Minh, Long Châu tới tập bay về Trùng Khánh đòi Chính phủ Trung ương phải trả tự do cho Hồ Chí

Minh. Kiểu bào ta không cần biết Hồ Chí Minh có phải là Nguyễn Ái Quốc, nhưng đây là một nhà yêu nước, một yếu nhân trong “Phân hội Việt Nam Hội Quốc tế chống xâm lược”!

Những bức điện của “Phân hội Việt Nam Hội Quốc tế chống xâm lược” tới tập từ biên giới Việt Trung bay về Trùng Khánh, yêu cầu Tổng thống Tưởng Giới Thạch trả tự do ngay lập tức cho Hồ Chí Minh. Ông Tôn Khoa - con trai Tôn Trung Sơn, Chủ tịch Viện Lập pháp Trung ương cũng đã được báo cáo về việc Hồ Chí Minh - một yếu nhân của Việt Nam bị bắt giữ ở Túc Vinh. Đặc biệt là hai vị Tướng trong Tổng hành dinh của Tưởng Giới Thạch là Lý Tôn Nhân, Phùng Ngọc Tường đã đến gặp Tưởng Giới Thạch kiên quyết yêu cầu trả lại tự do cho Hồ Chí Minh. Tướng Phùng Ngọc Tường nói:

- Dù ông Hồ Chí Minh là Cộng sản nhưng ông chống Nhật. Chẳng phải chúng ta đang chống Nhật đó sao? Vậy mục đích của chúng ta và của ông Hồ Chí Minh là một. Tại đây (Trùng Khánh), Phái bộ Liên Xô cũng là Cộng sản đấy...

Tưởng Giới Thạch hứa là sẽ xem xét, giải quyết.

Có một người Việt Nam biết rõ Hồ Chí Minh là Nguyễn Ái Quốc: Ông Hồ Học Lãm - chí sĩ trọn đời với đất nước (1884 - 1943). Ông là lớp người thứ hai theo tiếng gọi Đông du của Phan Bội Châu. Khi ông tới Trung Quốc, Phan Bội Châu sắp xếp ông vào học Trường Quân sự Chấn Vũ (thủ đô Nhật) rồi Trường Quân sự Bảo Định ở Trung Quốc cùng khóa với Tưởng Giới Thạch. Nghe theo lời cụ Phan, ông tham gia quân đội của Tôn Trung Sơn. Trong một trận chiến thời kỳ Bắc phạt, ông đã chỉ huy một Trung đoàn giải vây cho Trung đoàn của Tưởng Giới Thạch thoát khỏi nguy cơ bị tiêu diệt. Khi Tưởng Giới

Người đổi tên là Hồ Chí Minh từ bao giờ?

Thạch kế vị Tôn Trung Sơn làm Tổng thống Trung Hoa Dân quốc, vẫn nhớ đến ông như một ân nhân cứu mạng. Các ông Hồ Tùng Mậu, Lê Hồng Phong, Nguyễn Lương Bằng... vận động ông gia nhập Đảng Cộng sản Đông Dương. Ông nói: "Tôi ở ngoài Đảng có lợi cho cách mạng hơn. Tôi có hai con gái mong được Đảng dìu dắt thành người cách mạng!". Bằng cách đó, ông đã cứu sống nhiều đảng viên Đảng Cộng sản Đông Dương hoạt động ở Trung Quốc thoát chết khỏi tay mật vụ Tưởng Giới Thạch.

Với cương vị quan trọng trong Bộ Tổng Tham mưu Quốc dân đảng Trung Quốc; ông và Lê Quốc Vọng (Lê Tân Dân, Lê Thiết Hùng) - con rể ông theo yêu cầu của Lý Thụy (Nguyễn Ái Quốc) giúp đỡ Hồng quân Công Nông Trung Hoa 5 lần phá vây, thoát hiểm.

Tháng 1/1936, ông (được sự tán thành của các ông Phùng Chí Kiên, Lý Quang Hoa) lập ra tổ chức Việt Nam Độc lập Đồng minh Hội để hợp pháp hóa hoạt động của anh em Cộng sản hoạt động tại Trung Quốc.

Các chính khách Việt Nam lưu vong ở Trung Quốc nhiều lần thuyết phục mời ông tham gia Đảng này, Hội kia của họ; nhưng ông thẳng thừng từ chối. Ông chỉ tin một người có thể cứu được đất nước thoát khỏi nô lệ ngoại bang là Nguyễn Ái Quốc.

Cuối năm 1939, trên đường đi Trùng Khánh, Thiếu tá Hồ Quang (Nguyễn Ái Quốc) đã bí mật đến thăm ông đang nghỉ dưỡng bệnh ở Quế Dương - thủ phủ tỉnh Quý Châu. Ông nói với vợ và con gái: " Nguyễn Ái Quốc trở về Việt Nam là hồng phúc nước nhà sắp đến rồi!"

Giữa năm 1940, theo gợi ý của Vương Tiên sinh (Nguyễn Ái Quốc) ông bà và hai con gái chuyển về Quế Lâm dưỡng bệnh, sinh sống. Ông xin phép Chính phủ Trung ương Trung Hoa Dân quốc mở Văn phòng đại

điện Việt Nam Độc lập Đồng minh Hội tại Quế Lâm làm vở bọc cho các đồng chí mình hoạt động hợp pháp.

Đầu tháng 9/1942, ông nhận được điện của ông Lâm Bá Kiệt (Phạm Văn Đồng) gửi từ biên giới Việt Trung: “Lão đồng chí Hồ Chí Minh mất tích tại biên giới, mong cụ tìm cách cứu!”

Đọc bức điện, ông linh cảm Hồ Chí Minh là ai? Ông phần nộ nói với bà và con gái cả Hồ Diệc Lan (vợ Lê Quốc Vọng tức Lê Tân Dân, tức Lê Thiết Hùng):

- Chúng nó đã bắt giữ Nguyễn Ái Quốc rồi!

Ông nói với bà viết thư để ông kí gửi Tưởng Giới Thạch yêu cầu trả lại tự do lập tức cho Hồ Chí Minh. Bà Ngô Khôn Duy (vợ ông) còn cho con gái Hồ Diệc Lan đưa tin công khai vụ việc trên báo “Phụ nữ Quảng Tây” - nơi chị đang làm việc; công khai trước dư luận tiến bộ ở Trung Quốc, để phòng nhà chức trách có thể giở trò ám muội thủ tiêu Hồ Chí Minh. Mặt khác, bà bày cách với Hồ Diệc Lan lợi dụng cương vị là phóng viên nhà báo xin vào các nhà giam ở Quảng Tây dò xem chúng giam Nguyễn Ái Quốc ở đâu, tìm cách cứu Người. Bà dặn: “Người nào trán cao, mũi thẳng, mắt sáng quắc, dong dỏng cao, thần thái thoát tục thì đấy là Hồ Chí Minh...”

Ở Liễu Châu thời kì này còn một người nữa biết tường tận Hồ Chí Minh là Nguyễn Ái Quốc đổi tên. Đó là Ngô Chính Học tức Trần Báo, em ruột bà Ngô Khôn Duy.

Vào những năm cuối thế kỉ 19, mặc dù thực dân đế quốc Pháp bằng súng đạn và những thủ đoạn quỷ quyệt của một kẻ cướp nhà nghề đã dẹp tan phong trào Cần Vương do Tôn Thất Thuyết chủ xướng; sau đó là cuộc khởi nghĩa của Phan Đình Phùng lãnh đạo; nhưng làm sao chúng có thể xóa được ảnh hưởng của nó trong lòng dân, nhất là dân các tỉnh Quảng Bình, Nghệ An, Hà Tĩnh. Bị khủng bố trắng, nhưng nhiều người không chịu sống dưới

Người đổi tên là Hồ Chí Minh từ bao giờ?

sự cai trị của bọn cướp nước. Hàng trăm, hàng ngàn đồng bào ba tỉnh trên đã bỏ lại nhà cửa ra đi sang Lào, sang Đông Bắc Thái (Xiêm La) làm ăn sinh sống, tránh giặc.

Từ năm 1926, Chi bộ Hội Việt Nam cách mạng thanh niên đã được thành lập và phát triển tại Đông Bắc Thái Lan do ông Đặng Thúc Hứa lãnh đạo. Hai chị em bà Ngô Khôn Duy, Ngô Chính Học (Trần Báo) là lớp hội viên thứ hai của Chi hội.

Cuối năm 1929, khi Nguyễn Ái Quốc đến Thái, ông Đặng Thúc Hứa đã giới thiệu anh thanh niên hăng hái sôi nổi cách mạng Ngô Chính Học với Thầu Chín (tên Người hoạt động ở Thái Lan). Ngô Chính Học (Trần Báo) vô cùng cảm phục trí tuệ uyên bác, tài năng và đức độ của Thầu Chín (Nguyễn Ái Quốc).

Dần dần về sau, Trần Báo do không vững vàng quan điểm và chính kiến cách mạng ban đầu khi gia nhập Hội Việt Nam cách mạng thanh niên... Năm 1941, Trần Báo rời Xiêm, qua Lào vào Trung Quốc tìm đến nhà chị ruột và anh rể là Hồ Học Lãm. Anh rể, chị gái nhiều lần đấu tranh thẳng thắn, vạch ra những sai lầm tư tưởng của Trần Báo, tuy vẫn đối xử với Trần Báo là người trong gia đình!

Trần Báo quay xuống Liễu Châu kết bạn với Nguyễn Hải Thần, Trương Bội Công để làm... Cách mạng.

Chị Hồ Mộ La (con gái thứ hai của bà Ngô Khôn Duy) kể lại: Sau khi Hồ Chí Minh đã được trả lại “tự do trong khuôn khổ” vào ngày 10/9/1943; bà và chị từ Quế Lâm (ông Hồ Học Lãm đã mất trước đó vài tháng) xuống Liễu Châu thăm Hồ Chí Minh còn đang “tự do trong khuôn khổ” tại khu nhà ở của sĩ quan và binh sĩ Cục Chính trị. Lần thứ hai, đầu năm 1944 trên đường sơ tán vào Trùng Khánh, ba mẹ con bà Ngô Khôn Duy dừng lại Liễu Châu chờ xe, ba mẹ con lại gặp Hồ Chí Minh nhiều lần nữa. Bà cũng gặp cả người em ruột thịt Trần Báo. Bà không

te tát như trước mà chỉ khuyên Trần Bảo trở lại con đường ban đầu đã chọn. Trần Bảo cười hể hể, lấp liếm:

- Chị thì biết cái gì?

Một hôm Trần Bảo đến chỗ ở của chị ruột, nói:

- Ông Nguyễn (Hải Thần), ông Trương (Bội Công) mới ở Tĩnh Tây lên đây có nhã ý mời chị đến X... uống trà vào sớm mai (ở Trung Quốc, mời nhau đi uống trà buổi sớm có nghĩa là đi ăn sáng - PQT). Bà Ngô Khôn Duy ậm ừ không hẳn đã nhận lời.

Sau đó bà và Hồ Mộ La (14 tuổi) đến đường Liễu Thạch khu Ngư Phong (thành phố Liễu Châu) là nơi ở mới của Người nói về “nhã ý” của hai ông Thần và Công. Người nói: Tùy bà chị nhưng tốt nhất là chị không nên đi; chỉ cần cháu Mộ La đi là được rồi!

Sáng hôm sau, đến giờ hẹn, Hồ Mộ La đến tiệm trà Liễu Châu đã thấy cậu ruột, hai ông Thần và Công ngồi sẵn ở đó. Bánh trái, đồ ăn nhẹ bày sẵn trên bàn. Mộ La nói với cậu:

- Mẹ cháu đêm qua bị sốt nên không đi được, cậu và hai ông vui lòng!

Ông Nguyễn Hải Thần nhanh nhẩu:

- Không sao! Không sao... à! Ta cứ “sực” à ...!

Bốn người uống trà, ăn bánh trái vui vẻ như không có chuyện gì. Bỗng Trương Bội Công đột ngột hỏi Trần Bảo đang ngồi đối diện:

- Tôi định hỏi ông việc này đã lâu, nhưng chưa có điều kiện!

- Vâng, tiên sinh cứ hỏi!

- Ông Hồ Chí Minh có phải là Nguyễn Ái Quốc không? Hỏi ông ấy ở Xiêm tên là Thầu Chín, nghe nói ông đã gặp ông ấy? Tôi lại nghe tin ông ấy đã chết ở Khám lớn Victoria Hương Cảng cơ mà!

Người đổi tên là Hồ Chí Minh từ bao giờ?

- Hồi ở Xiêm tôi có gặp ông Thầu Chín vài lần nhưng không rõ ông ấy có phải là Nguyễn Ái Quốc? Nhưng rõ ràng là ông Thầu Chín không phải là ông Hồ Chí Minh chúng ta đã gặp ở đây. Trông ông Hồ Chí Minh khác ông Thầu Chín!

Ông Nguyễn Hải Thần giở ngón nghề xem tướng số:

- Mệnh của ông Hồ Chí Minh là mệnh Đế vương đấy các ông ạ; mệnh ông lớn lắm, không ai làm gì nổi đâu!

Vậy là ông Tướng Giới Thạch buộc phải trả lại tự do cho Hồ Chí Minh nhưng vẫn chưa chịu thua hoàn toàn!

Tiệc trà tan, chị Hồ Mộ La về nhà tường thuật với mẹ câu chuyện đã xảy ra ở bàn trà với ba ông “chính khách lưu vong” người Việt sáng nay. Hôm sau, hai mẹ con lại đến đường Liễu Thạch nói lại chuyện này với Hồ Chí Minh. Bà bình luận về người em trai mình:

- Nó vẫn còn chút lương tri!

Hồ Chí Minh cười, khen cháu Hồ Mộ La ngoan, động viên cháu mình cố gắng học tập, khi nào đất nước được độc lập, sẽ cho người sang đón ba mẹ con cháu về Việt Nam như di chúc của bố cháu.

Cái chữ mệnh ông Nguyễn Hải Thần nói về Hồ Chí Minh, chúng ta cũng có thể hiểu là tài trí uyên bác tuyệt vời của Người, sự cống hiến trọn đời của Người đã làm rạng rỡ Đất nước ta, Dân tộc ta. Tên Người là Hồ Chí Minh còn vang động mãi mãi trong lớp lớp đồng bào, đồng chí của Người, con cháu Người; mãi mãi vang động trong trái tim lớp lớp người trên hành tinh này với mệnh đề kép “Việt Nam - Hồ Chí Minh!”

*Bài đã đăng trong Tạp chí “Xưa và Nay”,
số 236 tháng 5/2005,
có bổ sung và sửa chữa.*

VỀ ĐỐI CỦA HỒ CHÍ MINH

Trên đường đi Trùng Khánh (TQ) để phối hợp phong trào Cách mạng trong nước với phong trào Cách mạng thế giới. Ngày 29/8/1942, khi vừa tới thị trấn Túc Vinh (Quảng Tây), Hồ Chí Minh đã bị nhà cầm quyền Quốc dân đảng bắt giữ trái phép. Từ ngày đó, họ lưu đầy Người trên chặng đường dài hơn 1000 cây số, qua 13 huyện thị, 18 nhà ngục (trong đó ngục đá Phan Long nằm lưng chừng núi đá vôi ở ngoại thành Liễu Châu như là địa ngục trần gian).

Trước sức đấu tranh mạnh mẽ của các Đoàn thể Cách mạng trong nước, của Đảng Cộng sản Trung Quốc, nhiều nhân sĩ tiến bộ trong hàng ngũ chớp bu Quốc dân đảng, dư luận tiến bộ trên thế giới; Tổng thống Tưởng Giới Thạch buộc phải trả tự do cho Hồ Chí Minh ngày (10/9/1943).

Thời gian này, ở Liễu Châu - Đại bản doanh Đệ Tứ Chiến Khu do Tướng Trương Phát Khê làm Tư lệnh đang rầm rộ triển khai kế hoạch “Hoa quân nhập Việt” đánh Nhật. Họ cũng đang ra sức lôi kéo, tập hợp các “chính

khách Việt Nam” lưu vong hoặc mới chạy sang đây để làm những con bài chính trị trên chính trường Việt Nam sau này. Đó là những “Việt cách”, “Việt Quốc”, “Việt Nam Giải phóng Đồng minh Hội”, “Việt Nam Phục quốc quân”.v.v... với những cái tên người Việt Nam đã nhả mặt: Nguyễn Hải Thần, Nguyễn Tường Tam, Vũ Hồng Khanh, Nghiêm Kế Tổ, Trương Bội Công, Trần Bảo, Trần Văn An... Những “chính khách” này đang xúm xít quanh hầu bao Đế Tứ chiến khu, nhưng lại ra sức tranh giành ảnh hưởng lẫn nhau, đả kích nhau. “Việt....” nào cũng khoe mình mới là người cách mạng chân chính.

Tướng Giới Thạch buộc phải trả tự do cho Hồ Chí Minh nhưng không để Người tự do về nước. Bởi như thế, theo ông ta: Khắc nào chấp thêm cánh cho đại bàng! Tướng đã chỉ thị cho Tướng Trương Phát Khê “giữ khéo” Người ở lại Liễu Châu; lợi dụng uy tín, tài trí của Người để ổn định các vị “chính khách vô mồm” kia. Hồ Chí Minh bị giữ lại Liễu Châu, quan hệ với “Việt...”, “Việt...” sẽ gieo rắc sự nghi ngờ trong nội bộ Đảng Cộng sản Đông Dương!

Đòn hiểm của Tướng phóng một mũi tên trúng nhiều đích!

Hồ Chí Minh hiểu rằng: Nếu cứ nằng nặc yêu cầu họ phải để Người về Việt Nam thì Tướng và Trương sẽ không khoan tay để Người an toàn trên con đường hơn 600 cây số đến biên giới Việt - Trung. Người còn được biết Tổng Tư lệnh Du kích vượt biên Sái Đình Khải và Tướng Trương Bội Công (người Việt Nam) đã rải hơn 10.000 lính biên phòng giáp biên giới Lạng Sơn, Cao Bằng. Với Tướng và Trương chẳng mấy khó khăn nguy tạo chúng có hạ đối thủ như họ đã từng làm với Đảng Cộng sản Trung Quốc. Cộng sản Việt Nam cũng là đối thủ của họ. Với những con người xảo quyệt, mạnh hơn ta về nhiều mặt, người cách mạng phải biết tạo ra thời cơ để thúc đẩy cách mạng tiến lên.

Hồ Chí Minh đã “Dĩ bất biến, ứng vạn biến”, chấp nhận lời mời của Tưởng, nhưng có điều kiện...!

Dao vọng Nam thiên ức cố nhân

(Vời vời trời Nam nhớ bạn xưa)

Câu thơ cuối cùng trong bài thơ “*Mới ra tù tập leo núi*” Người ghi lại trên lễ từ *Quảng Tây Nhật báo* cùng những bức thư gửi cho hai ông Phạm Văn Đồng và Vũ Anh (Trịnh Đông Hải) đang hoạt động ở Nam Ninh (cách Liễu Châu 200 cây số) đã nói lên tâm trạng của Người, cùng là những chỉ thị cho các đồng chí ở trong nước về những công việc cần phải làm ngay để đẩy mạnh Cách mạng Giải phóng Dân tộc tiến tới.

Vào một ngày tháng 12/1943, sau khi Người đã rời về ngôi nhà số 2/123 đường Liễu Thạch, khu Ngư Phong; nhân một dịp gì đó Tưởng Hầu Chí Minh - Bí thư Chủ nhiệm Cục Chính trị Đệ tứ Chiến khu mở đại yến trọng thể chiêu đãi các vị khách quý. Trong số khách mời có Hồ Chí Minh với danh nghĩa thượng khách. Ngoài ra còn một số “Chính khách Việt Nam” như Nguyễn Hải Thần, Nguyễn Tường Tam, Vũ Hồng Khanh... cùng các Tướng lĩnh chóp bu Đệ tứ Chiến khu.

Khi cốc rượu khai vị và những lời chúc sức khỏe Hồ Chí Minh và mọi người của chủ tiệc vừa cạn; Nguyễn Hải Thần nhìn ông chủ họ Hầu như có ý xin phép. Ông ta hắng giọng:

- “Ngộ” xin ra một vé đổi cho vui bữa tiệc của Hầu Tướng quân. (Nguyễn Hải Thần nói tiếng Việt như một người Tiều Chợ Lớn). Ông ta ngập ngừng hắng giọng:

“Hầu Chí Minh, Hồ Chí Minh, lương vị đồng chí, chí giai minh”

Xong, ông ta nhìn về phía Hầu Chí Minh đang đứng cạnh Hồ Chí Minh bộc lộ sự trung thành với ông chủ. Ông ta nhìn mọi người, thách thức:

Vế đối của Hồ Chí Minh

- Chư vị nào có tài xin “tôi” (đối) cho!

Ông ta xoa hai tay vào nhau, liếc xéo sang Hồ Chí Minh.

Tướng cũng nên biết qua về Nguyễn Hải Thần:

Nguyễn Hải Thần theo Phan Bội Châu sang Trung Quốc từ rất sớm. Sau này khi phát hiện nhân cách kém cỏi và ý chí bạc nhược của ông ta, Phan Bội Châu đã kiên quyết loại bỏ khỏi hàng ngũ Việt Nam Quang Phục Hội. Từ đó, Nguyễn Hải Thần lang thang kiếm sống bằng nghề xem Tử vi và đoán Tướng số.

Ở Trung Quốc quá lâu ông ta quên gần hết tiếng mẹ đẻ!

Khi Phan Bội Châu bị bắt, bị đưa về Huế với cái án “An trí chung thân”, Nguyễn Hải Thần đã lợi dụng uy tín của Nhà chí sĩ yêu nước họ Phan nhảy ra khôi phục Việt Nam Quang Phục Hội. Người Việt ở trong nước cũng như ở ngoài nước biết rất rõ chân tướng Nguyễn Hải Thần nên chẳng ai theo!. Ông ta lại cấp tráp ngồi trên lễ phố Liễu Châu xem tử vi, đoán tướng số. Vì thế, ông ta quen nhiều Tướng lĩnh Quốc dân đảng, kể cả Tướng Tư lệnh.

Khi Tướng Giới Thạch (trong phe Đồng minh chống phát xít) rục rịch triển khai kế hoạch “Hoa quân nhập Việt” đánh Nhật thì Nguyễn Hải Thần lại rời hè phố Liễu Châu nhảy ra làm “chính trị”. Theo sắp xếp của Tướng Giới Thạch; ông ta cùng với Trương Bội Công, Trần Bảo thành lập ra cái gọi là “Việt Nam Cách mệnh Đồng minh Hội” do ông ta làm Chủ tịch. Hai người kia làm Phó chủ tịch. Chỉ vài ngày sau, bộ ba này cãi nhau không tiếc lời. Hội rã đám. Nguyễn Hải Thần nằm dài hút thuốc phiện ở trụ sở Hội và hàng tháng đến nhận lương ở Đệ Tứ Chiến Khu.

Khi chúng ta vừa giành được chính quyền cách mạng ở Hà Nội thì Nguyễn Hải Thần chạy theo Tướng Lư Hán, Tướng Tiêu Văn cùng 20 vạn quân Quốc dân đảng vào Bắc Việt Nam tước khí giới quân Nhật bại trận.

Thực hiện chính sách đoàn kết, đại đoàn kết, Hồ Chí Minh đã mời Nguyễn Hải Thần làm Phó chủ tịch Chính phủ lâm thời mở rộng. Ngày 2/9/1945 ông ta được mời lên lễ đài Ba Đình dự lễ Độc lập.

Sau khi Hồ Chí Minh đọc “Tuyên Ngôn Độc Lập” khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, cả biển người ở Quảng trường dậy lên những tràng vỗ tay, tung hô “Hồ Chí Minh muôn năm”, “Việt Nam Độc lập muôn năm”.

Đợi ngớt tiếng vỗ tay, Hồ Chí Minh giới thiệu Phó chủ tịch Nguyễn Hải Thần với những người dự mít tinh. Tưởng mọi người sẽ hoan hô mình như đã hoan hô Hồ Chí Minh. Nhưng cả Quảng trường yên lặng như không có gì xảy ra. Ông ta buột một câu cửa miệng như từ trước tới nay ông ta vẫn thế:

- Tieu... cái tổng pào!

Đầu năm 1946, 20 vạn quân Tưởng rút về nước Nguyễn Hải Thần vội vã cao chạy xa bay. Năm 1955, Chính phủ nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa gửi Chính phủ ta một công hàm hỏi ý kiến nên xử với Nguyễn Hải Thần như thế nào? Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề nghị Chính phủ Trung Quốc chu cấp cho ông ta tiền gạo để ông ta sống những năm tháng còn lại cuộc đời một “chính khách lưu vong”.

Xin trở lại buổi đại yến của Hàu Chí Minh.

Nguyễn Hải Thần vẫn đứng đó, bên cạnh Hàu Chí Minh. Ông ta càng tỏ ra tự đắc!

- Nào! Xin mời chư vị “tối” (đôi)!

Xong, ông ta nhìn về phía Tướng quân họ Hàu. Ông ta xoa tay, hăm hĩnh liếc xéo sang Hồ Chí Minh như thách thức.

Vế đối của Hồ Chí Minh

Đôi, là loại hình văn học cổ Việt Nam và Trung Hoa; là kiểu “chơi chữ” tinh tế, bộc lộ trình độ học vấn uyên bác của người ra đối và người đối “Xuất đối dị - Đôi đối nan!”

Hai phút đã trôi qua!

Mọi người nhìn nhau, không biết nên đối như thế nào? Cái khó và học hiem của câu ra đối là hai chữ “Chí” và “Minh” đều trùng với chữ đệm và tên của chủ tiệc và Thượng khách trong đại yến. Nguyễn Hải Thần còn mảnh khỏe đồ đồng Hầu Chí Minh và Hồ Chí Minh là hai đồng chí của nhau:

“Hầu Chí Minh, Hồ Chí Minh hai vị đồng chí, chí đều sáng”

Phải đối thế nào để không mất thể diện Hầu Chí Minh? Vế đối lại phải mang ý nghĩa sâu sắc, nhân cách cao thượng! Và dứt khoát, tôi không phải là đồng chí của các vị.

3 phút trôi qua!

Nguyễn Hải Thần càng dương dương tự đắc với trình độ Hán học của mình.

Bỗng Hồ Chí Minh bước lên một bước, tách khỏi Hầu Chí Minh; rồi Người quay lại nói với cả hai:

- Tôi xin phép được đối!

- “Ngộ” piết (biết) mà. Các vị hãy nghe ngài Hồ Chí Minh trở tài!

Hồ Chí Minh nâng cốc chúc sức khỏe Hầu Chí Minh và các vị khách. Mọi người nín lặng chờ đợi. Bỗng giọng Người vang động, tự tin và khúc chiết:

“Nhĩ cách mạng, ngã cách mạng, đại gia cách mạng, mạng tất cách”

Vế xuất của Nguyễn Hải Thần có 13 chữ. Vế đối của Hồ Chí Minh cũng có 13 chữ. Vế xuất của Nguyễn Hải

Thần có 4 chữ *Chí*. Vế đối của Hồ Chí Minh có 4 chữ *Cách*. *Cách mạng* đối với *Chí Minh*. Vế xuất của Nguyễn Hải Thần có 2 chữ *Hai vị*. Vế đối của Hồ Chí Minh có 2 chữ *Mọi người*.

“Anh cách mạng, tôi cách mạng, mọi người cách mạng, mạng phải cách”.

Hồ Chí Minh không lấy tên một cá nhân nào để đối lại mà ý tứ rất chỉnh, tính tư tưởng cao; nghĩa là quan điểm chính trị của các anh phải thay đổi đi, phải *cách* đi.

Nghe xong vế đối của Hồ Chí Minh cả phòng đại yến rộ lên những tràng vỗ tay tán thưởng. Cử tọa không ngờ Hồ Chí Minh thông minh, tài trí như vậy. Những lời bình luận của cử tọa râm ran mãi không dứt. Tướng Hầu Chí Minh phải phác một cử chỉ xin mọi người yên lặng. Ông ta rất trịnh trọng:

- Thưa ngài Hồ Chí Minh: Tôi chỉ còn biết nói rằng vế đối của Ngài thật là tuyệt, thật là tuyệt...!

Nguyễn Hải Thần đứng như trời trồng. Một lần nữa ông ta hiểu rằng: ông ta đã gặp một đối thủ lớn hơn mình một cái đầu. Nguyễn Hải Thần tiếp lời ông chủ họ Hầu:

- Hồ tiên sinh thật là người tài giỏi, thật là người tài giỏi! Tôi xin “pội” (bội) phục! Xin “pội” (bội) phục.

(Theo “Hồ Chí Minh và Trung quốc”

NXB QGPNDTQ - Bắc Kinh 1984)

Bài viết có tham khảo và đối chiếu tư liệu

lưu trữ tại Bảo tàng Hồ Chí Minh Hà Nội.

Bài đã đăng trong tạp chí “Sự kiện và nhân chứng”,

phụ trương hàng tháng Báo Quân đội Nhân dân

Độc Nhật ký trong tù ĐÔI ĐIỀU CẢM NHẬN

NHÀ BÁO LÒNG DANH - LẬP LÀNH MỘT NHÀ THƠ LỚN

Suốt trong 30 năm hoạt động cách mạng ở ngoài nước (1911-1941) Nguyễn Ái Quốc (Nguyễn Tất Thành, Lý Thụy, Thầu Chín, Tống Văn Sơ, Hồ Quang...) phải tập trung sức lực, trí tuệ vào mục tiêu trước mắt: vạch mặt bè lũ thống trị thực dân Pháp, bôn phong kiến Nam triều đang đè đầu cưỡi cổ bóc lột nhân dân ta đến tận xương tuỷ; tuyên truyền giáo dục cổ vũ nhân dân ta đoàn kết đấu tranh giành lại Độc lập, Tự do cho Tổ quốc; tổ chức một Đảng cách mạng...

Để đạt được mục tiêu trên, một trong những công việc bận rộn hàng ngày của Người là viết bài đăng trên các tờ báo cánh tả ở Pháp: *"Nhân đạo"*, *"Tự do"*, *"Đời sống thợ thuyền"*, *"Dân chúng"*, *"Lao động"*, *"Tập chí Cộng sản"*, *"Nhân dân Paris"*... Khi làm việc ở Mát-xcơ-va, Người viết cho các báo *"Sự thật"*, *"Tia lửa"*, *"Anh-phơ-rê-co"* và một số

tờ báo cánh tả ở Đức, Hà Lan. Cuối năm 1938 đến cuối năm 1940, Người viết nhiều bài cho tờ “Cứu vong nhật báo” - Cơ quan của Đảng Cộng sản Trung Quốc phát hành tại Quế Lâm. Cũng tại đây Người đã gửi về nước nhiều bài đăng trên tờ “*Tiếng nói chúng tôi*” (Nôtre Voix), tờ tuần báo công khai của Đảng Cộng sản Đông Dương xuất bản tại Hà Nội với bút danh P.C LIN.

Khi còn ở Pari (trước khi sang Mát-xcơ-va), để “đón chào” vua bù nhìn Khải Định “vi hành” tới “mẫu quốc” Pháp, Người đã viết hài kịch “*Con Rồng Tre*”, “*Giấc mơ của bà Trưng Trắc*”. Khi Người làm việc ở Quảng Châu, được tin dữ: Nhà chí sĩ yêu nước Phan Bội Châu bị mật thám Pháp lừa bắt ở Thượng Hải, bị dẫn giải về Việt Nam, Người đã viết “*Những trò hề hay là VaRen và Phan Bội Châu*” (VaRen là Toàn quyền Đông Dương thời kì đó) đăng trên tờ “*Người cùng khổ*” số 36 và 37 (tháng 9, tháng 10/1925). (“*Người cùng khổ*” do Nguyễn Ái Quốc sáng lập - xuất bản tại Pari).

Năm 1925, khi thành lập “Hội Việt Nam cách mạng thanh niên”, Người chủ trương tờ “*Thanh niên*” - tiếng nói của Hội để tổ chức, giáo dục tuyên truyền trong các tầng lớp thanh niên trong nước, ngoài nước làm cách mạng. Mỗi số báo “*Thanh niên*” phát hành bí mật vào trong nước hàng trăm bản; độc giả trong nước lại nhân lên thành hàng ngàn bản.

Năm 1929, 1930 khi Người hoạt động ở Xiêm với bí danh là Thầu Chín, Người đã viết nhiều bài cho tờ “*Thân ái*” của Hội Việt kiều ở Xiêm La (nay là Thái Lan).

Đầu năm 1941, sau khi trở về nước, tại Pắc Bó (Cao Bằng), Người chủ trương tờ “*Việt Nam Độc lập*”; gài như số báo nào cũng có bài của Người. Thậm chí, khi đi công tác xa, Người đã viết bài để lại in vào số báo sau.

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, Người đã viết hàng trăm bài đăng trên các báo "*Cứu quốc*", báo "*Sự thật*" sau này là báo "*Nhân dân*".

Những bài đăng trên các báo Pháp, Người viết bằng tiếng Pháp; những bài báo trên các báo ở Mátxcova, Người viết bằng tiếng Nga, những bài báo đăng trên báo Trung Quốc, Người viết bằng tiếng Trung Quốc. Trên các tờ báo ấy Người thường kí: NGUYỄN ÁI QUỐC, ÁI QUỐC, NG. ÁI QUỐC, NGUYỄN AQ, NAQ, NK, QUỐC EVEN, CN, XX, X, V, VICTO, HT, TẤT THÀNH, HO WANG, TS, CHÚ NGUYỄN, ĐÔNG DƯƠNG, WANG AP, AN, PC LINE, BÌNH SƠN... Các bút danh Người thường đăng trên các báo ở trong nước là: ABC, AG, ANH, B, BÁC, BÁC HỒ, CK, CHIẾN THẮNG, CHIẾN SĨ, CHIẾN ĐẤU, CM HỒ, DÂN VIỆT, LT, LÊ NÔNG, LÊ QUYẾT THẮNG, XYZ, TÂN SINH, TRẦN LỰC, TL. THANH LAN, TRẦN, T.LAN, TRẦN THẮNG LỢI, VK, LÊ BA, NÓI THẬT, NGUYỄN TÂM...

Có lẽ còn phải nhiều thời gian nữa, chúng ta mới sưu tập được hàng trăm bài báo của Người đã đăng rải rác trên hàng chục tờ báo lớn ở nước ngoài, ở trong nước, suốt từ những thập kỉ 20 - 30 - 40 - 50 - 60 thế kỉ 20.

Với những đề tài xã hội chính trị nhạy cảm; bằng bút pháp sắc sảo, lập luận vững chắc của một cây bút xã luận già dặn, những bài báo của Người sắc bén như những lưỡi gươm, nhưng với đồng chí đồng bào, những độc giả bình thường thì những bài báo của Người được coi như những lời động viên, chỉ bảo ân cần.

La Mác-ty, Chánh Mật thám Pháp ở Đông Dương đã từng phải thốt lên: "... Cần phải nói ngay rằng tờ báo của Nguyễn Ái Quốc được tất cả các đảng viên ở nước ngoài, ở trong nước và đông đảo người cảm tình đọc. Những

người đọc này chẳng những tự mình đọc báo “Thanh niên” mà còn chép đi chép lại thành nhiều bản cho nhiều người khác cùng đọc...

Ông Nguyễn Ái Quốc không ngần ngại rằng trong 60 số đầu của tờ “*Thanh niên*” là để chuẩn bị tinh thần cho người đọc, chỉ nói về lòng yêu nước và chí căm thù. Từ số 61 trở đi (số ra ngày 12/9/1926) Ông Nguyễn mới để lộ ý định khi ông viết: “Chỉ có một Đảng Cộng sản mới đảm bảo hạnh phúc cho Dân tộc Việt Nam!”.

Báo cáo trên của La Mac-ty cho ta thấy bè lũ thống trị run sợ, hốt hoảng như thế nào trước những “lưỡi gươm” của Nguyễn Ái Quốc!

Ngoài những bài văn xuôi sắc bén chất bình luận, Người còn viết những bài văn vần, những bài vè (đăng trên các tờ báo Việt) để độc giả dễ đọc, dễ nhớ.

... Hãy yêu thương nhau cùng nhau đoàn kết / Hãy lắng nghe câu hát từ đáy lòng tôi / Kẻ không đoàn kết như chim lạc đàn / Chóng hoặc chày rồi sẽ trúng tên / Vì đơn độc sẽ làm môi cho hiểm họa / Ta kết đoàn hạnh phúc sẽ sinh sôi / Hỡi đồng bào yêu quý hãy lắng nghe tôi hát / Rồi học thương yêu nhau và đoàn kết cùng nhau /

(*Hãy thương yêu nhau, cùng nhau đoàn kết - Báo Thanh niên số 9*)

Khi cần phải nói thẳng, nói có lí, phanh phui sự thật để thuyết phục người đọc, Người thường viết văn xuôi. Khi ở Pháp, Người viết cho các báo Pháp như một người Pháp có trình độ học vấn cao với văn phong đặc Pháp. Một số những bài báo này về sau, Người đã tập hợp lại in trong cuốn “*Bản án chế độ thực dân Pháp*”. Khi những bài báo tiếng Hoa in trên tờ “*Cửu vong Nhật báo*” với bút danh Bình Sơn, nhiều độc giả và cả Tổng biên tập tờ báo là Hạ Diễn lúc đầu cứ ngỡ rằng đây là những bài báo của tác giả người Trung Quốc.

Độc Nhật ký trong tù - Đôi điều cảm nhận

Người còn viết những bài văn vần châm biếm như những cái gai nhọn sắc châm vào tận xương tủy kẻ thù:
*Vận mệnh Lang Sa lúc chẳng lành / Pê-tanh lão tướng
hoá hôi tanh / Bán nước lại còn khoe cứu nước / Ô danh
mà muốn được thơm danh / Già mà như chú già thêm
dại / Tiếng xấu muôn đời nhuốc sử xanh /*

(Việt Nam Độc lập, số 131 ngày 11/7/1942)

Đó là khi quân Đức chọc thủng chiến lũy Ma-di-nô “bất khả xâm phạm” của Pháp (5/1940). Pê-tanh được Đức Quốc trưởng Hítler cho làm Tổng thống bù nhìn. Pê-tanh bán Pháp cho Đức nhưng lại vỗ ngực là người đã cứu Pháp!

Khi Nhật nhảy vào Đông Dương, Đờcu - viên Toàn quyền Pháp ở Đông Dương lúc đó (cũng là viên Toàn quyền cuối cùng của chế độ thực dân Pháp ở Đông Dương) ra sức bợ đỡ, ve vãn Nhật. Ngày 9/3/1945 Nhật đảo chính hất cẳng Pháp; Đờcu bị bắt giam cùng với hàng trăm quan chức, sĩ quan dưới quyền. Bài văn vần châm biếm này Nguyễn Ái Quốc viết trước ngày Nhật đảo chính Pháp như là dự báo về số phận của ông ta:
*Non nước Rồng Tiên rõ mịt mù / Lợi quyền phó mặc bố
thằng Cu / Đồi dân Nam Việt thì lên mặt / Gặp bọn Phù
Tang chỉ đội khu / Về Pháp không cơm e chết đói / Ở đây
hút máu béo ni nu / Cũng như Thống chế Pê-tanh
vậy / Chú cứ cù cu được mãi ru /*

(Tặng Toàn quyền Đờcu -

Báo Việt Nam Độc lập số 134 ngày 11/8/1942)

Thời kì kháng chiến chống đế quốc xâm lược Pháp (1945-1950), ở chiến khu Việt Bắc, ngoài những bài văn xuôi chỉ đạo, uốn nắn, động viên cán bộ chiến sĩ và đồng bào ta; với kẻ thù trực tiếp và gián tiếp, Người cũng không quên cho chúng những lời lẽ sâu cay. Đờ lát dờ Tát-si-nhi là viên Tướng 4 sao, được Pari khoe khoang là người có khả năng đánh bại Việt Minh trong vòng vài

tháng, lập lại nền cai trị của Pháp ở Đông Dương. Vậy mà chỉ trong vòng vài tháng ấy, con trai của Đờ-lát đã phải bỏ mạng ở Hoà Bình. Đờ-lát thì bị ốm nặng phải về Pháp, chết tại Pháp... *Chiến dịch Quang Trung/Tất thua lung tung/Chiến dịch Đê Thám/Tất thua mặt xám/Trận Lý Thường Kiệt/Tất thua tê liệt/Chiến dịch Hoà Bình/Tất khoe khoang rình/Phen này tất thắng/Thật là hiển vinh/Kì thực Tất đã/Mất mười ba dinh⁽¹⁾/Nội cảm ngoại thương/Tất đã ốm đòn/Vì ta luôn thắng/Tất phải vào hòm/Nên có thơ rằng/Tất-xi-nhi, Tất-xi-nhi/Mi đã khôn hồn mà chết đi/Con mi đến tội, con mi chết/Đến tội ngày nay chết đến mi/*

(Chết vì ốm đòn - CB Báo Nhân dân, số 43 ngày 24/1/1952)

Những bài viết (báo, truyện kí...) của Người tinh tế, sống động, gây ấn tượng mạnh cho độc giả chỉ nhằm một mục tiêu duy nhất là chống đế quốc, thực dân phong kiến, động viên quần chúng lao động đấu tranh giành lại quyền sống của con người, quyền Độc lập Tự do của Dân tộc.

Nhưng để có được những bài viết trực tiếp bằng tiếng Pháp, tiếng Nga, tiếng Hoa; rồi để có được một trình độ ngoại ngữ để đọc Sêch-pia và Đích Ken bằng tiếng Anh, Victo Huygô và Dôla, Anatôn Phờ-răng và Lêông Tônxtôi bằng tiếng Pháp, Lỗ Tấn bằng tiếng Trung Hoa... hẳn là Người đã có một sự dùi mài học tập phi thường.

Tuy đã có nhiều công trình nghiên cứu về đề tài Người viết báo, làm báo; xong, cho đến nay chúng ta chưa có một tổng tập từ bài báo, bài viết (truyện, kí...) đầu tiên đăng trên báo *Nhân đạo* (Pháp - 1919) cho đến bài cuối cùng Người viết đăng trên báo *Nhân dân* (Việt Nam - 1969). Tổng tập này chắc chắn không thể chỉ là ba con số (hàng trăm) mà phải là bốn con số (hàng ngàn).

(1) Dinh = Tiểu đoàn.

Độc Nhật ký trong tù - Đôi điều cảm nhận

Chúng ta tự hào về Người, cảm phục, kính trọng, tôn vinh Người là nhà báo bậc thầy, nhà báo cách mạng vĩ đại số một trên thế giới và Việt Nam thế kỉ 20.

Không kể những bài diễn ca văn vần; từ năm 1960 trở về trước, chúng ta thi thoảng còn được đọc thơ của Người. Những bài thơ theo lối thơ Đường và những bài thơ Nôm. Có lẽ bài đầu tiên chúng ta được đọc gọi là thơ phải là bài “*Thượng sơn*” Người viết tháng 8/1942 ở Lũng Dè, trước khi Người đi Trùng Khánh (Trung Quốc) và gặp nạn ở Quảng Tây.

*Lục nguyệt nhị thập tứ
Thượng đảo thử sơn lai
Cử đầu hồng nhật cận
Đôi ngạn nhất chi mai*

*Ngày 24 tháng sáu / Lên ngọn núi này chơi / Ngẩng đầu
mặt trời đỏ / Bên suối một nhành mai / (Lên núi - Tố Hữu
dịch). Một bài cổ thi giống thơ Đường mà không phải thơ
Đường vì sự khoẻ khoắn của tứ thơ (tiếc là người dịch đã
dịch hai chữ đầu câu bốn không sát nghĩa để... cho “có vẻ
thơ”! “Đôi ngạn” chỉ có thể là “bờ bên” (Bờ bên một nhành
mai!). Câu thơ dịch đúng nghĩa trong nguyên bản, vẫn giữ
được niêm luật bằng trắc của thơ Đường).*

Trăng trong thơ Hồ Chí Minh vừa là đôi tượng miêu tả, vừa là bầu bạn thân thiết. Thời kì kháng chiến chống Pháp, trên chiến khu Việt Bắc, hơn một lần, trăng đến thăm Người, Người tiếp trăng... Thi nhân và Trăng như đôi bạn tri âm tri kỉ.

*Kim dạ nguyên tiêu nguyệt chính viên
Xuân giang xuân thủy tiếp xuân thiên
Yên ba thâm xứ đàm quân sự
Dạ bán qui lai nguyệt mãn thuyền*

*Rằm xuân lồng lộng trăng soi/Sóng xuân nước lẫn
màu trời thêm xuân/Giữa dòng bàn bạc việc
quân/Khuya về bát ngát trăng ngân đầy thuyền/*
(Nguyên tiêu - Xuân Thuỷ dịch).

Bài thơ “*Nguyên tiêu*” Hồ Chí Minh viết vào đầu mùa xuân năm 1948, khi chiến dịch Thu Đông vừa kết thúc, quân dân ta đã bẻ gãy các cuộc hành binh lớn của quân đội xâm lược Pháp tại Việt Trì, Phú Thọ, Đoan Hùng, Sông Lô (mồ chôn giặc Pháp) kết thúc giai đoạn phòng ngự chiến lược, chuyển cuộc kháng chiến trường kì sang giai đoạn cầm cự.

Không biết có phải tác giả ngẫu nhiên chọn “*Kim dạ nguyên tiêu...*” để “... *lồng lộng trăng soi*” (câu thơ đầu reo trong bài thơ)? Theo tục lệ cổ truyền, Tết Nguyên tiêu (Tết Rằm tháng Giêng) là lễ long trọng của dân tộc. “*Cúng quanh năm không bằng ngày rằm tháng Giêng!*” Câu bốn bài thơ thật lãng mạn: *Khuya về bát ngát trăng ngân đầy thuyền* (đầy thuyền trăng) - hồn thơ đích thực của một nhà thơ lớn! Bài “*Nguyên tiêu*” được xem như bài thuộc hàng cổ thi kinh điển.

Trăng bao giờ cũng là nguồn cảm hứng quện vào hồn thi nhân để thi nhân sinh tình, sinh hứng thành thơ: *Trăng vào cửa sổ đòi thơ/Việc quân đang bận xin chờ hôm sau.*

Người còn viết nhiều bài văn văn thăm hỏi các cụ già, các cháu thiếu niên nhi đồng, các nhân sĩ nổi tiếng trong nước, thơ chúc Tết đồng bào cả nước mỗi độ xuân về.

Những bài thơ như “*Báo tiếp*” (Báo tin thắng trận - 1948), “*Tặng Bùi Công*” (Tặng cụ Bùi - 1948), “*Thu dạ*” (Đêm thu - 1948), “*Tặng Võ Công*” (Tặng cụ Võ - 1948), “*Vô đề*” (Không đề), “*Tư chiến sĩ*” (Nhớ chiến sĩ), “*Đôi nguyệt*” (Vội trăng), “*Đăng sơn*” (Lên núi - 1950), “*Tâm*

hữu vị ngô" (Tìm bạn không gặp - 1954) là những bài không thể chỉ đọc một lần!

Chiến dịch Biên Giới kết thúc thắng lợi, chúng ta có điều kiện thuận lợi quan hệ với bên ngoài, chủ yếu là với các nước bè bạn; Hồ Chí Minh qua Trung Quốc; tại đây, Người đã viết một số bài thơ. Theo nhiều nhà nghiên cứu, thẩm định thơ, bài "*Tầm hữu vị ngô*" là một trong những bài cổ thi Người viết trong thời gian này có sức cuốn hút lạ kì:

*Bách lí tầm quân ngô vị quân
Mã đề đạp toái lĩnh đầu vân
Qui lai ngẫu quá sơn mai thụ
Mỗi đoá hoa vàng một điểm xuân*

(1954)

Trăm dặm tìm anh, không gặp anh / Vó ngựa băng băng mây quấn quanh / Đường về chợt gặp cây mai núi / Mỗi đoá hoa vàng một điểm xuân / (Phạm Quý Thích dịch).

Bài thơ có mây trên đỉnh núi, mai vàng và mùa xuân, có tráng sĩ trên lưng ngựa ra trận với tư thế "đạp toái"...

Vậy mà, có người đã giảng giải câu "bách lí tầm quân ngô vị quân" là khi Người đến thăm để tiễn Đại tướng Võ Nguyên Giáp lên đường ra mặt trận Điện Biên Phủ, nhưng không gặp!

Ô hay! Một vị chỉ huy tối cao của cách mạng, của cuộc Trường kì Kháng chiến là Hồ Chí Minh đang "một sống một mái" với kẻ thù thực dân có sự viện trợ của đế quốc Mĩ đi và đến tùy tiện như thế sao?

Xin dẫn ra đây câu nói của nhà thơ Tiêu Tam (Trung Quốc) - người được Nguyễn Ái Quốc giới thiệu vào Đảng Cộng sản Pháp năm 1922, đã nhiều lần sang Việt Nam thăm Người; sau khi đọc bài thơ này, ông đã nói: Trước

Đường và sau Đường không có bài thơ nào hay hơn bài “Tâm hữu vị ngộ” của “lão đại” (anh cả) Hồ Chí Minh!

Vâng, bài *“Tâm hữu vị ngộ”* Người viết sau khi Bộ Chính trị Trung ương Đảng ra Nghị quyết về nhiệm vụ quân sự Đông Xuân 1953-1954 (hướng chính là Điện Biên Phủ); với một niềm tin vào thắng lợi cuối cùng, Người ngẫu hứng phấn khích viết thành thơ!

Những bài thơ như trên của Hồ Chí Minh, đặc biệt là những bài thơ theo luật Đường thi (Có phong cảnh thiên nhiên) thì dù có phân tích đầy đủ cũng không thể nào làm nổi bật hồn thơ của tác giả. Ở đó lấp lánh một tài năng thơ ẩn trong một nhà cách mạng kiệt xuất trong phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam và thế giới.

Viết báo, truyện kí, làm báo, viết thơ là một phần hoạt động không tách rời của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh nhằm mục đích giành Độc lập - Tự do - Hạnh phúc cho mọi người. Người là:

“Kết tinh truyền thống văn hoá mấy ngàn năm của nhân dân Việt Nam; hiện thân những khát vọng tự do của các dân tộc trên thế giới, biểu tượng kiệt xuất của sự khẳng định quyền dân tộc, anh hùng giải phóng dân tộc và danh nhân văn hoá kiệt xuất của nhân loại!” (Trích Nghị quyết số 180, năm 1987 của Đại hội đồng UNESCO).

Phải đợi đến những tháng cuối năm 1960, sau khi tập thơ *“Nhật ký trong tù”* - Tập thơ đầy tình người, nước mắt và đau khổ, ý chí và nghị lực phi thường đan quện vào nhau trong một chất thơ trữ tình, lãng mạn không lẫn vào đâu, không lẫn với ai, chỉ riêng của nhà thơ Hồ Chí Minh... ra mắt bạn đọc làm cho chúng ta thật sự sửng sốt, kinh ngạc về một hồn thơ lớn.

MỘT HỒN THƠ LỚN CỦA NHÀ THƠ LỚN KHÔNG HAM LÀM THƠ

Tháng 5/1960 “*Nhật ký trong tù*” của Hồ Chí Minh lần đầu tiên ra mắt độc giả Việt Nam với 450.000 bản in. Ít lâu sau, Nhà xuất bản Nhân dân Văn học Bắc Kinh (Trung Quốc) - Nhà xuất bản lớn nhất Trung Quốc xin phép tác giả chọn 100 bài trong “*Nhật ký trong tù*” nguyên tác chữ Hán (thông lệ ở Trung Quốc, một tập thơ hay ở Trung Quốc chỉ có 100 bài hoặc 300 bài như “*Đường thi tam bách thư*” (Ba trăm bài thơ Đường - PQT). Nhà xuất bản Nhân dân Văn học cũng xin phép tác giả sửa tên tập thơ thành “*Ngục trung sử thi*” (Sử thi trong ngục). Lần đầu xuất bản, Nhà xuất bản này đã in tới 250.000 bản, không đủ đáp ứng yêu cầu của độc giả yêu thơ ở Bắc Kinh.

Từ đó đến nay, nhiều Nhà xuất bản Việt Nam ở Trung ương, ở các tỉnh, ngành đã tái bản nhiều lần “*Nhật ký trong tù*” với sự gia công kỹ mỹ thuật, bổ sung chú giải, dịch lại một số bài để thơ hay hơn, hấp dẫn hơn.

Ở Trung Quốc cũng có hiện tượng tương tự. Nhiều tỉnh, thành phố lớn ở Trung Quốc đã tái bản “*Ngục trung sử thi*” theo bản in đầu tiên của Nhà xuất bản Nhân dân Văn học Bắc Kinh. Nhà xuất bản Quân giải phóng nhân dân Trung Quốc; Nhà xuất bản Giáo dục Nam Ninh năm 1987 đã tái bản lần thứ ba “*Ngục trung sử thi*” với 10.000 bản in; bìa, gáy sách bằng vải giả da nâu, xanh, chữ nhũ vàng, giấy cút sê bóng; mỗi bài thơ kèm theo những lời bình giải của các nhà thơ có tên tuổi ở Trung Quốc.

“*Nhật ký trong tù*” nhanh chóng được dịch ra nhiều ngôn ngữ trên thế giới: Pháp, Anh, Đức, Tây Ban Nha, Ý; ở Liên Xô ngoài tiếng Nga, “*Nhật ký trong tù*” còn được dịch ra một số tiếng dân tộc trong Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô Viết cũ.

Như vậy chỉ sau một thời gian ngắn, nhiều thủ đô lớn trên thế giới như Bắc Kinh, Pari, Mátxcơva, Washington, Rôma, London, La Habana... đều đã xuất bản “*Nhật ký trong tù*” bằng ngôn ngữ của nước mình.

“*Nhật ký trong tù*” là một “hiện tượng văn hoá hiếm thấy trên văn đàn Việt Nam từ trước đến nay. Người đọc vô vấp, sẵn đón, bàn thảo, tranh luận về tập thơ của lãnh tụ suốt đời hy sinh vì dân tộc, vì đất nước để càng thêm kính yêu Người, tự hào về Người.

Nhận xét của cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng - một trong những học trò xuất sắc của Hồ Chí Minh thật là đầy đủ. “*Nhật ký trong tù*” của *Hồ Chí Minh* là những bài thơ chan chứa tình người, chất thơ và chất người tuyệt đẹp, lắng đọng, làm xúc động tâm hồn chúng ta; sức hấp dẫn của thơ Hồ Chí Minh đối với người đọc, người nghe ở mọi nơi trong nước và trên thế giới!...”

Nhà thơ Hoàng Trung Thông - nguyên Viện trưởng Viện Văn học Việt Nam viết bốn câu thơ hay sau khi đọc “*Nhật ký trong tù*”: *Tôi đọc trăm bài trăm ý đẹp / Ánh đèn toả rạng mái đầu xanh / Văn thơ của Bác vẫn thơ thép / Mà vẫn mệnh mông bát ngát tình /*

Đến nay, “*Nhật ký trong tù*” ra đời đã hơn nửa thế kỉ; chắc chắn nó sẽ còn tồn tại mãi mãi với thời gian, trong lòng bạn đọc Việt Nam và những người yêu thơ, yêu Việt Nam trên thế giới. Thơ hay không có tuổi, không có năm tháng tồn tại. “*Đường thi tam bách thư*” đã tồn tại 1400 năm!

Độc Nhật ký trong tù - Đôi điều cảm nhận

Trung Quốc là một trong những cái nôi của loài người, một trong những nền văn hoá loài người phát triển sớm nhất. Khi người Trung Quốc gọi *"Nhật ký trong tù"* là *"Ngục trung sử thi"* cũng có nghĩa đặt tập thơ này của Hồ Chí Minh vào hàng kinh điển mẫu mực về tư tưởng, học thuật với bi kịch lạc quan Hồ Chí Minh đã nếm trải!

Một nhà văn hoá lớn Trung Quốc, cố Viện trưởng Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Trung Quốc, người đã có nhiều công trình đồ sộ nghiên cứu văn hoá Trung Quốc, sau khi đọc *"Ngục trung sử thi"* đã viết: *Về thơ mà nói tức là xét theo quan điểm giá trị nghệ thuật, "Ngục trung sử thi" có rất nhiều bài thơ hay. Nếu để lẫn với các bài thơ Đường thì khó mà phân biệt được. Thật là văn như kì nhân: (Văn như người) vậy...!*

Nhiều nhà thơ, nhà văn hoá nổi tiếng trên thế giới đã đọc, đã viết những trang sách thật xúc động, những lời giới thiệu xúc động trên đầu tập thơ *"Nhật ký trong tù"* khi xuất bản ở nước họ.

Nhà thơ OAN UYTMAN viết trong lời đề tựa *"Nhật ký trong tù"* xuất bản tại WASHINGTON - Thủ đô Mĩ: *"Mở cuốn sách này, chúng ta sẽ gặp một CON NGƯỜI!"*

Hai ông bà Echae SecNơ và HenGa SecNơ, người Đức có thời gian làm việc ở Bắc Kinh (Trung Quốc), sau khi đọc xong tập thơ *"Ngục trung sử thi"* do "Nhà xuất bản Nhân dân Văn học" Bắc Kinh xuất bản, đã giành 10 năm để dịch ra tiếng Đức xuất bản tại Béclin.

Trong lời giới thiệu tập thơ, ông bà SECNƠ nói tới sức mạnh truyền cảm của *"Ngục trung sử thi"* tức là chức năng thẩm mĩ của văn học nghệ thuật. Lời giới thiệu có đoạn: *"Bài nào trong "Ngục trung sử thi" cũng là một tia lửa nhỏ từ ngọn lửa tâm hồn người chiến sĩ cách mạng Hồ Chí Minh vĩ đại, toát lên tinh thần dũng cảm, coi thường khổ đau và hiểm nguy, chan chứa tình yêu thương đất*

nước và nhân dân. Xin được nói rằng: “Ngục trung sử thi” là cảm hứng lãng mạn cách mạng, lạc quan vô bờ bến, niềm tin không gì lay chuyển nổi của Hồ Chí Minh vào thắng lợi cuối cùng của cách mạng Việt Nam.

Chúng tôi say mê dịch “Ngục trung sử thi” của Hồ Chí Minh ra tiếng Đức chính là biểu lộ lòng kính yêu Người, đất nước Người và nhân dân Người.

Trong những năm tháng này (sau khi bức tường Béclin sụp đổ - PQT), giữa bao nhiêu biến động, đảo lộn, chúng tôi như được Hồ Chí Minh chấp cánh với niềm tin vào một cuộc sống sẽ tốt đẹp hơn, công bằng hơn...!”

Ông GT. BUDAREN - nhà báo Pháp, nhà ngôn ngữ học Pháp đã viết lời giới thiệu tập thơ “*Nhật ký trong tù*” dịch ra tiếng Pháp có đoạn: “... Có nên tiếc rằng trong con người Hồ Chí Minh - Sự nghiệp vĩ đại của người anh hùng giải phóng dân tộc đã che lấp người Thơ? Che lấp nhưng không hề giết chết người Thơ.

Giữa hai con người - Con người chiến sĩ cách mạng và con người nghệ sĩ - Con người nào nổi bật nhất trong Hồ Chí Minh? Câu hỏi đó đến với người ta một cách hầu như tự nhiên, nhưng thật ra không có câu hỏi nào hơn. Người chiến sĩ đấu tranh cho độc lập của Việt Nam, diễn đạt ý nghĩa, cảm xúc của mình bằng hình ảnh một cách tự nhiên, với cốt cách của một thi nhân. Ở tác giả, con người Cách mạng và con người nghệ sĩ kiểu mới chỉ là một!”...

Ông AXTORÔ GIN-ĐÔ PÊ-BA-RA nguyên Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Bờ-ra-xin cùng tuổi với Hồ Chí Minh (1890) sau khi đọc “*Nhật ký trong tù*” được dịch ra tiếng Tây Ban Nha đã viết: “... Tôi quen biết đồng chí Nguyễn Ái Quốc ở Mát-xcơ-va năm 1924. Trong nhiều năm, tôi đã được đọc nhiều bài viết của đồng chí ấy trên các báo Cộng sản. Hầu hết các bài báo ấy đều nhằm đánh vào chủ nghĩa thực dân đế quốc. Nhưng rồi tên của

Độc Nhật ký trong tù - Đôi điều cảm nhận

đồng chí ấy đã mất hút. Đôi khi tôi tự hỏi: Đồng chí đang ở đâu? Đã làm gì rồi vậy? Chỉ mãi tới ngày nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời, tôi mới nhận ra: Chủ tịch Hồ Chí Minh là đồng chí Nguyễn Ái Quốc tôi đã từng quen biết ở Mát-xcơ-va năm 1924.

Giờ đây, tôi lại đến Mát-xcơ-va, được đọc tập thơ "Nhật ký trong tù" lòng vô cùng xúc động. Tôi xin viết những dòng này, không ngoài mục đích khiêm tốn gửi lời chào trân trọng anh em tới lão đồng chí Nguyễn Ái Quốc, ngày nay là Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà!

Trong thư còn có đoạn: ... Ý chí kiên cường không gì lay chuyển nổi ấy bắt nguồn từ đâu? Nào có gì khó hiểu: chính là từ trong tâm hồn nhà cách mạng, tâm hồn người chiến sĩ Cộng sản, con người đã hiến dâng cả cuộc đời cho sự nghiệp đấu tranh vì Tự do và Hạnh phúc của Dân tộc mình. Và tôi thiết nghĩ, niềm xúc động của chúng ta trước những bài thơ "Nhật ký trong tù" toát lên cũng chính là từ đó. Nhà thơ vừa viết về nỗi thống khổ của mình vừa viết về nỗi thống khổ của người khác. Nhưng những ý nghĩa sâu sắc nhất của tác giả - những ý nghĩ trước hết là hướng về những thống khổ của toàn dân tộc. Nhà thơ tin tưởng chờ ngày toàn dân mình rồi cũng được tự do... (Trích bài của tác giả đã đăng trên báo Nhân dân (Hà Nội), số ra ngày 21/1/1962).

Trong bài đăng trên tạp chí Europe (Châu Âu) số tháng 6/1967 Rôgiơ đơ Luých viết: ... Cụ Hồ Chí Minh là một trong những nhà thơ Việt Nam ngày nay. Dù cho chính kiến của mỗi chúng ta có khác nhau chẳng nữa, ai cũng phải thừa nhận sức mạnh về tâm hồn của con người đó: Trong cảnh lao tù dã man, cụ đã viết lên những bài thơ nhân đạo khiến cho chúng ta cảm thấy tác giả cống hiến cuộc đời mình để thực hiện sứ mệnh bảo vệ sự nghiệp Cách mạng. Cuốn "Nhật ký trong tù" cho thấy

cái chủ yếu và cái sâu xa nhất trong lòng Hồ Chí Minh, và Người thì không lúc nào nói ra cảnh mình bị giam cầm. Năm 1946, trong một Hội nghị không thành công, cụ Hồ Chí Minh với một giọng kín đáo vừa châm biếm vừa tự hào đã trả lời những câu hỏi đường đột của một nhà báo như sau:

- *Ngài đã kháng chiến?*
- *Vâng!*
- *Bao nhiêu lâu?*
- *Khoảng bốn mươi năm.*
- *Ngài cũng đã ở tù?*
- *Vâng.*
- *Những nhà tù nào?*
- *Thưa ông nhiều lắm!*
- *Thời gian bao lâu?*

Một nụ cười khó tả nở trên khuôn mặt gầy gò. Cụ Hồ nhìn ông bạn nhà báo béo tốt, rồi dịu dàng đáp: “Ông cũng biết đấy, ở tù thì thời gian bao giờ cũng lâu!”.

... Ta hãy lần giở tập “Nhật ký trong tù”, toàn những bài thơ ngắn bốn câu, cảm tác, tức cảnh, phần lớn gắn vào một ý nghĩ duy nhất: Vừa ngâm vừa đợi đến ngày tự do. Dù có phân tích cho đầy đủ, cho khéo léo đến mấy đi nữa cũng không thể nào làm nổi bật được hồn thơ. Bóc cánh hoa hồng, dù nhẹ tay đến đâu, cũng chưa dễ đã tìm thấy bí quyết hương thơm của nó. Thường thức một bài thơ khác nào ngửi một bông hoa. Thơ đúng là thơ thì nói lên một cái gì và không nói dối; nó ít cần đến bình luận. Xuất phát từ tâm hồn, đi thẳng vào tâm hồn, thơ Hồ Chí Minh không nhờ vả gì đến mỹ thuật vận dụng các lối phiêu dương, hô hào, hùng biện, thoá mạ. Gắn chặt với bản tính điềm đạm của nhà thơ, với bóng tối trong xà lim, nơi Người viết lên trang giấy màu xanh nhạt, thơ

Độc Nhật ký trong tù - Đôi điều cảm nhận

Người nói ít mà gợi nhiều, là loại thơ có màu sắc thanh đạm, có âm thanh trầm lắng, không phô diễn mà cố khếp lại trong đường nét chính để cho người đọc tự thưởng thức lấy cái “ý tại ngôn ngoại”.

... Là người đầu tiên xây dựng sự nghiệp giải phóng đất nước mình, là người lãnh đạo chính trị của thế kỉ 20, Hồ Chí Minh là tấm gương về đạo đức cổ truyền và về nguồn thơ tinh tuý trong sáng. Người ta sẽ ghi nhớ niềm tin tưởng của Người đối với cuộc sống, lòng yêu nhân loại và thiên nhiên của Người, lòng khát khao tự do cho bản thân cũng như cho đồng bào của Người và sự cần thiết của Người đòi hỏi mọi người phải được sung sướng trước rồi mình mới được sung sướng.

Trở lên trên là một số nhận xét, cảm xúc của độc giả, học giả nổi tiếng về tập thơ “*Nhật ký trong tù*”.

Năm 1990, nhân kỉ niệm 100 năm ngày sinh Hồ Chí Minh, Viện Văn học mới sưu tập được 125 đề tài khoa học, những bài nghiên cứu, những thông tin khoa học của các nhà văn, nhà phê bình trong nước và ngoài nước (ở nước ngoài là Trung Quốc, Pháp, Liên Xô (cũ), Cuba, Ý, Thụy Điển, Đức, Bồ-ra-xin, Mĩ, Bỉ, Ta-hi-ti, Cộng hoà Ả rập thống nhất, Mông Cổ, Đan Mạch, Uruguay...).

Sức sống “*Nhật ký trong tù*” đã vượt không gian, vượt thời gian đến với nhiều lớp bạn đọc trong nước và trên thế giới là một hiện tượng hiếm thấy trên thi đàn thế kỉ 20.

Vậy cái gì đã làm nên hiện tượng đó? Cái gì đã làm nên “*Nhật ký trong tù*” của Hồ Chí Minh có sức cuốn hút, hấp dẫn người đọc như vậy?

Trong nguyên tác, Hồ Chí Minh đánh số bài thứ nhất là bài “*Khai quyển*” như Lời tựa tập thơ:

*Lão phu nguyên bất ái ngâm thi
Nhân vị tù trung vô sở vi
Liêu tá ngâm thi tiêu vĩnh nhật
Thi ngâm thà đợi tự do thi*

*Ngâm thơ ta vốn không ham / Nhưng vì trong ngục
biết làm chi đây / Ngày dài ngâm ngợi cho khuây / Vừa
ngâm vừa đợi đến ngày tự do / (Nam Trân dịch).*

Hồ Chí Minh nói rất thực lòng: Vì sao mình làm thơ, ngâm thơ trong tù ngục? Người trả lời: Vì trong tù ngục ngày dài chẳng biết làm gì, ngâm ngợi cho khuây khoả, đợi đến ngày tự do.

Đó là một liệu pháp để giết thời gian!

Sau này khi Người ở chiến khu Việt Bắc chỉ đạo cuộc trường kì kháng chiến chống thực dân xâm lược Pháp, Người viết tập kí *“Vừa đi đường vừa kể chuyện”* với bút danh TL, có đoạn: *“... các chú không nhắc thì Bác không nhớ nữa. Bác không phải là người hay thơ, mà thơ Bác cũng không hay. Mười mấy tháng bị nhốt trong phòng giam u ám, hiu quạnh, một mình một bóng, không được nói chuyện với ai, không có việc gì làm. Muốn “du lịch” thì đi dọc chỉ 5 bước, đi ngang 4 bước. Để “tiêu khiển” ngày giờ, chỉ có cách ngêu ngao, vắn tắt ghi lại sinh hoạt của người tù cho khuây khoả; thế thôi, phải thơ phú gì đâu...”*.

Đoạn văn trên Người kể lại là khi một cộng sự gần gũi hỏi về tập *“Nhật ký trong tù”*, một lần nữa Người nói rõ hoàn cảnh và lực tác động nào để Người viết 134 bài thơ (không kể bài *“Mới ra tù tập leo núi”*) trong 18 trại giam, biệt giam trong ngục tù Quốc dân đảng Trung Hoa từ ngày 29/8/1942 đến ngày 10/9/1943.

Chỉ bằng ấy câu chữ thôi, Hồ Chí Minh nói thực: Mình không phải là nhà thơ, làm thơ vì chẳng biết làm

Độc Nhật ký trong tù - Đôi điều cảm nhận

gì? Làm thơ cho khuây khoả, ngâm ngợi cho khuây khoả. Nghĩa là tác giả và độc giả "*Nhật ký trong tù*" chỉ có một, chỉ là một, chỉ có một người, "lão phu", "ta" ("tôi": Hồ Chí Minh).

Với đức khiêm tốn, cõi mở; mãi đến nửa cuối năm 1960, sau 17 năm Người mới đồng ý cho xuất bản "*Nhật ký trong tù*".

Nhớ lại, nhiều năm trước đây, sau khi "*Ngục trung nhật ký*" ra mắt bạn đọc, một số nhà nghiên cứu phê bình văn học viết nhiều bài trên báo chí ca ngợi tập thơ có tính tư tưởng cao, tố cáo cuộc sống ghê rợn trong tù ngục Quốc dân đảng Trung Hoa; tập thơ là một thi phẩm hiện thực xã hội chủ nghĩa, nên chức năng giáo dục rất lớn. Lại nữa, một số bài trong tập thơ đã vẽ nên hình ảnh những viên quan lại cai ngục đều là những quỷ sứ hiện hình trong địa ngục trần gian của địa ngục Trung Hoa rộng lớn: "*Cơm tù*", "*Vợ người bạn tù đến nhà lao thăm chồng*", "*Chiếc chăn giấy của người bạn tù*", "*Đêm lạnh*", "*Dây trời*", "*Cái cùm*", "*Cắm hút thuốc*", "*Cháu bé trong nhà ngục Tân Dương*", v.v.

Những nhà nghiên cứu phê bình trên ra sức chứng minh, thuyết phục người đọc bằng những lý luận chung chung hướng người đọc tới một sự ngưỡng thức thô thiển: "*Phương Đông màu trắng chuyển sang hồng* là cách mạng thế giới đã chuyển từ phương Tây sang phương Đông, là "gió đông đang thổi bạt gió tây" (câu 1) - "*Bóng tôi đêm tàn bóng sạch không*" (câu 2) là "chế độ tư sản phong kiến sắp bị tiêu diệt", "*Hơi ấm bao la trùm vũ trụ*" - (câu 3) là "Chủ nghĩa xã hội sẽ toàn thắng trên thế giới" - "*Người đi thi hứng bỗng thêm nồng*" (câu 4) là "thắng lợi rồi, ta ca khúc khải hoàn" (Bốn câu thơ trên là khổ 2 bài "*Giải đi sớm*"). Bài "*Nghe gà gáy*" (Thính kê minh) /*Người tuy*

chỉ một chú gà thường/Báo sáng ngày ngày tiếng gáy vang/Một tiếng toàn dân bừng tỉnh mộng/Công người đâu có phải là xoàng/(Nam Trân dịch) được giải thích là lời Đảng kêu gọi, thức tỉnh mọi người đoàn kết lại vùng lên đấu tranh!

Người ta không ngần ngại đưa vào sách giáo khoa Văn lớp 12, nhấn mạnh tính tố cáo, tính giác dục đúng hàng thứ nhất trong tập thơ.

Nếu Hồ Chí Minh định tố cáo chế độ lao tù hà khắc của Quốc dân đảng Trung Hoa thì chắc chắn Người không ngần ngại dùng thể chính luận như Người đã viết hàng trăm bài báo đăng trên các tờ báo cánh tả ở Pháp, Anh, Đức, Nga, Trung Quốc, chúng tôi đã đề cập ở trên. Những bài báo đó đã đập vào mặt kẻ đang thống trị, áp bức bóc lột nhân dân Người, đất nước Người. Nhờ những bài báo đó, người đọc trực tiếp được kiến giải nhiều về dân tộc Việt Nam, về kẻ đang thống trị đất nước Việt Nam, về sự đoàn kết cùng nhau đánh đuổi bọn thống trị giành lại tự do cho xứ sở mình.

Những bài thơ luật Đường, chữ vuông (Hán tự) “ý tại ngôn ngoại”, Hồ Chí Minh viết trong “*Nhật ký trong tù*” dù có sức nặng bao nhiêu về nghệ thuật cũng không thể nào thay thế bằng những bài báo trước đây Người đã viết để nói trực tiếp, nói vỗ mặt kẻ thù.

Điều đáng nói là trong khi đề cao tính tố cáo, giáo dục, ý chí kiên cường, bất khuất của Hồ Chí Minh, người ta đã vô tình coi nhẹ hoặc hạ thấp những giá trị đích thực của tập thơ. Cảm nhận của độc giả khi đọc một bài báo hẳn là khác khi đọc một bài thơ hay. Nếu chỉ nghĩ “*Nhật ký trong tù*” là tác phẩm hiện thực xã hội chủ nghĩa, tố cáo tội ác của kẻ thống trị (để qua đó giáo dục lòng yêu nước và chí căm thù giặc); vậy thử hỏi những bài thơ như “*Ngắm trăng*” (bài số 21), “*Trung thu*” (bài

số 23), “Đi đường” (bài số 31), “Mộ” (bài số 30), “Thu cảm” (bài số 124), “Đêm thu” (bài số 130),... gọi là tính gì trong thơ. Và nữa, nếu chỉ nói tới tính tố cáo, giáo dục của tập thơ thì những bài như “Tiên sinh học Quách” (bài số 92) - “Được ưu đãi” (bài số 111) - “Khoa trưởng họ Ngũ, khoa viên họ Hoàng” (bài số 115) - “Khoa viên họ Trần tới thăm” (bài 127), “Chủ nhiệm họ Hầu tặng một bộ sách” (bài 128) thì gọi là tính gì trong “*Nhật ký trong tù*”. Họ là những quan lại cấp thấp, cấp cao của Trung Hoa Dân quốc cả đây.

Ta hãy nghe Hồ Chí Minh viết về Tướng Hầu Chí Minh - Chủ nhiệm Cục Chính trị Đệ tứ chiến khu trong bài cuối cùng tập thơ - bài “*Kết luận*”: *Sáng suốt nhờ ơn Hầu Chủ nhiệm / Tự do trở lại với ta rồi / Ngục trung nhật ký từ nay dứt / Tái tạo ơn sâu cảm tạ người* / (Khương Hữu Dụng dịch). Trước đó, trong “*Khoa viên học Trần tới thăm*” (bài số 127) Người viết: *Lính tráng tuần canh nhìn nhẵn mặt / Hôm nay mới được gặp văn nhân / Người trông nho nhã ai không thích / Mái tóc ta xanh lại mấy phần* / (Huệ Chi dịch).

Đành rằng tập “*Nhật ký trong tù*” có một số bài ghi lại cảnh sinh hoạt trong tù, cảnh người tù bị ngược đãi, dọa dẫm đến chết; nhưng số bài này không nhiều trong tập thơ.

Trong khi cố gắng chứng minh tính tố cáo, tính giáo dục một cách khiên cưỡng, hơi hợt như trên đã nói, những người được giành quyền phân tích, bình giảng thời kì “*duy ý chí cả trong văn chương*” lại quên mất một chủ định, một ý tưởng thơ của Hồ Chí Minh đã viết trong bài “*Khai quyển*” và “... Văn tắt ghi lại sinh hoạt của người tù cho khuây khoả, phải thơ phú gì đâu...” (Vừa đi đường vừa kể chuyện - Sách đã dẫn).

TIẾNG LÒNG CỦA MỘT NHÀ THƠ “ĐẠI NHÂN”, “ĐẠI TRÍ”, “ĐẠI DŨNG”

Hồ Chí Minh vô cớ bị bắt giữ nhưng lại là nỗi ám ảnh một thời gian dài của các cơ quan mật vụ, các cấp chính quyền quân phiệt Trung Hoa Quốc dân đảng từ địa phương đến Trung ương.

Đây là cơ hội để họ làm rõ tin tức từ Việt Nam, đội “thám báo đặc biệt” thu thập được: Nguyễn Ái Quốc đã trở về Việt Nam lãnh đạo Cách mạng Việt Nam! Vậy cần phải nhận diện Hồ Chí Minh có phải là Nguyễn Ái Quốc đổi tên? Cần phải xác định Hồ Chí Minh đi Trùng Khánh để gặp Chính phủ Trung ương Trung Hoa Dân quốc? Có phải ông ta định lấy cớ đó để đến Liễu Châu phá Đại hội Việt Nam Cách mạng Đồng minh Hội dự định khai mạc vào tháng 10/1942, lôi kéo những chính khách lưu vong người Việt về với Mặt trận Việt Nam Độc lập Đồng minh (Việt Minh), tức là với Đảng Cộng sản Đông Dương?

Để xác minh được những câu hỏi trên, chủ trương của Chính phủ Trung ương ở Trùng Khánh là hãy giam giữ Hồ Chí Minh lại, coi như “Hán gian”! Thậm chí nếu Hồ Chí Minh có “mệnh hệ” nào (ốm, chết) cũng phó mặc, vô can! Các chốt ra vào biên giới đã được Bộ Tư lệnh biên cảnh ra lệnh khoá chặt sau sự kiện ngày 29/8/1942 (ngày Hồ Chí Minh bị bắt giữ ở Túc Vinh).

Từ đó Người đã bị giam giữ qua 18 nhà giam, nhà biệt giam trong 13 huyện, thị từ Nam đến Bắc Quảng Tây.

Áp giải Người là 6 lính vũ trang - những cái máy biết đánh đập, biết bắn, biết nhục mạ người khác, biết uống rượu và hút thuốc phiện. Có ngày Người bị trói tay bằng dây thừng hoặc xích tay, xích chân bằng xích sắt. Ngày đầu tiên bị áp giải, họ bắt Người phải cuốc bộ 53 cây số dưới trời mưa rét, quần áo ướt sũng, giày rách. Khi đến trại giam, tù nhân quá đông không còn chỗ ngả lưng, Người phải "*ngồi trên hố xí đợi ban mai*"! Có khi mới canh một (nửa đêm) bọn lính áp giải đã dựng Người dậy, thúc Người đi.

Phan Long là một hang đá trên lưng chừng núi đá vôi Phan Long, trước đây thuộc ngoại vi thành phố Liễu Châu (nay thành phố mở rộng, Phan Long thuộc nội thành). Hang đá chỉ có một lối ra vào, có cánh cửa bằng những ống thép tròn to. Cuối hang là một khoảng sáng mờ mờ do khe núi từ trên hắt xuống. Đây cũng là đường bay ra vào của hàng ngàn con dơi đi kiếm ăn khi trời tối. Nhà cầm quyền Quốc dân đảng đã giam Người ở hang đá Phan Long một tháng trời, sau đó chúng áp giải Người đi Quế Lâm. Người bị giam ở nhà lao Quế Lâm bốn mươi ngày rồi Người lại bị áp giải trở lại Liễu Châu. Đường cao tốc Liễu Châu - Quế Lâm hiện nay dài gấp hơn hai lần đường Hà Nội - Hải Phòng. Hồi ấy, chúng áp giải Người qua những cánh rừng đại ngàn, núi cao, suối sâu! Sau khi bị áp giải trở lại Liễu Châu lần thứ hai, nhà cầm quyền quân sự Đệ tứ Chiến khu biệt giam Người trên dưới 6 tháng tại một nhà biệt giam. Trước cửa nhà biệt giam là một hàng rào gỗ cây nhọn; một Trung đội cảnh vệ thay nhau canh gác. Ngày 10/9/1943, Tướng Hầu Chí Minh đã vào nhà biệt giam trực tiếp thông báo lệnh của Tổng thống (Ủy viên trưởng) Tưởng Giới Thạch trả tự do cho Người.

Không biết trên thế giới này có kiểu nhà tù nào như những nhà tù của chế độ Quốc dân đảng Trung Hoa? Sự

sống và cái chết của người tù chỉ nhờ vào may rủi. Người tù Hồ Chí Minh cũng không ngoại lệ.

Ở tuổi 53 “tri thiên mệnh” bị tước đoạt hoàn toàn quyền tự do, bị coi là “Hán gian”, đến Trung Quốc để phá hoại một chủ trương lớn về chính trị của họ thì sự sống và cái chết của Người là tùy thuộc vào những kẻ đang hành hạ Người, những kẻ đang là đối thủ của Người!

Vậy mà Hồ Chí Minh vẫn làm thơ!

Thơ và tù - Tù và thơ - Trong tù làm thơ - Làm thơ trong tù! Mới nghe tưởng như là nghịch lý, là mâu thuẫn, bởi nhà tù đâu phải là tháp ngà, là ngôi đền của thi nhân - Hồ Chí Minh làm thơ trong tù không phải chỉ một vài bài. Người đã viết tới 134 bài gọi là “Nhật ký”!

Nhà thơ lớn Viên Ưng (Trung Quốc) nói về tập thơ “*Nhật ký trong tù*” là của con người “đại nhân - đại trí - đại dũng” viết ra.

Nhà thơ Phê-lích Pi-ta Rô-dờ-ri Ghết (Cu Ba) viết lời tựa bản dịch “*Nhật ký trong tù*” sang tiếng Tây Ban Nha có đoạn: “... Những lời đẹp đẽ đó (từ thơ) dường như Người nghĩ ra và để viết riêng cho “*Nhật ký trong tù*”. Đúng, một con người, nhưng đây là một con người đã qua một sự chấn lọc trong sáng nhất, đã được nâng lên làm cho nó có một tâm vóc lớn, mà mọi người như thấy có một cái gì thật cao xa, xuất chúng, có một sức mạnh thuyết phục lạ lùng.

(...) Ta cũng sẽ gặp ở đây, trong bóng tối buồn thảm của nhà tù một khía cạnh nữa của con người, trong đó bao thế kỷ tồn tại và ngự trị không hề giảm sút và không hề giấu giếm một sự thật vô nhân đạo, rất xa lạ với đức tính căn bản của con người (...)”

Đọc thơ không giống như đọc một áng văn xuôi. Đọc thơ là cảm, cảm câu chữ, cảm bài thơ. Đọc “*Nhật ký*

trong tù” của Hồ Chí Minh, như Rôgiơ đơ Luých - nhà ngôn ngữ học Pháp đã viết: ... *Phải yên lặng một mình ngồi đọc thơ Người mới thấy nó mở ra, phải thỉnh thoảng ngừng lại để suy nghĩ, mới cảm thấy được hết những âm vang của nó, và nghe thấy những âm vang ấy cứ ngân dài mãi ra...* (Bài đã dẫn - PQT).

Trong hoàn cảnh khắc nghiệt chốn lao tù, sự sống và cái chết chỉ trong gang tấc, Hồ Chí Minh viết thơ cho khuây khoả. Người viết rồi Người đọc, đọc một mình, đọc rồi ngâm ngợi.

Một số bài thơ Người viết nhân một sự kiện nào đó (có bài ghi cả ngày tháng xảy ra sự kiện): *“Bị bắt ở Túc Vinh”* (bài số 3); *“Tết Song thập bị giải đi Thiên Bảo”* (bài số 29); *“Đêm ngủ ở Long Tuyền”* (bài 32); *“Báo động”* (bài 76); *“Giải đi Vũ Minh”* (bài 81) (ngày 18/11); *“Đêm Liễu Châu”* (bài 98); *“Kết luận”* (bài 134) (ngày 10/9/1943)...

Có một số bài, bút pháp thơ của Hồ Chí Minh hết sức phóng khoáng, xúc cảm về một cảnh nào đó xảy ra trong nhà giam, Người ghi lại, nghĩ thế nào thì ghi như thế, không câu nệ. Thậm chí có những chuyện hết sức bình thường tưởng như không thơ một chút nào cũng được Người ghi lại thành thơ: *“Ghẻ lở”*; *“Chia nước”*; *“Bạn tù họ Mạc”*; *“Các báo hoan nghênh Uy-kì đại hội”*; *“Tiến công”*; *“Rụng một chiếc răng”*; *“Đồng chính”*; *“Mới đến nhà lao Thiên Bảo”* (có câu *“Ngồi trên hố xí đợi ban mai”*); *“Nhân lúc đói bụng”*...

Những bài thơ như trên trong tập thơ có vẻ là “Kĩ”, có vẻ Người chỉ “ghi” lại sự việc đã xảy ra, Người đã gặp phải. Nhưng trong cách thể hiện với bút pháp cổ thi chữ vuông (Hán tự) đôi khi phóng khoáng trong cách sử dụng ngôn từ, câu chữ, vẫn phải được xem là thơ. Đó là sự khác thường không những ở đề tài, ở bút pháp, niêm luật thơ cổ và phải được nhìn nhận như một sắc thái đặc biệt trong

“*Nhật ký trong tù*”. Một sự khác thường nữa cũng cần được nhìn nhận đúng mức là hoàn cảnh ra đời tập thơ (như đã nói ở trên) và tác giả tập thơ là một người tù bất đắc dĩ của chính quyền quân phiệt Trung Hoa!

Người tù viết thơ và chỉ viết về hoàn cảnh tù đầy, về mình, về các bạn tù...

Tác giả thường đứng ở ngôi thứ nhất số ít (lão phu, ta, tôi) dẫn mình trong hoàn cảnh, hoà vào hoàn cảnh, quan sát và cảm xúc thành thơ tù. Cảm xúc hay đây là tiếng lòng của nhà thơ chất lọc qua câu chữ để thành thơ. Đôi khi tác giả ẩn mình trong câu chữ để bộc lộ tâm trạng, tình cảm yêu ghét, vui buồn, căm giận và hy vọng.

Vì vậy, thế giới nghệ thuật trong “*Ngục trung nhật ký*” không phải là toàn cảnh bức tranh xám xịt của nhà tù Quốc dân đảng Trung Hoa; tính hướng nội mới là đặc trưng cơ bản xuyên suốt tập thơ!

Tính hướng nội được thể hiện ngay từ bài thơ đầu tiên Người bị bắt giữ trái phép ở Túc Vinh, Người giận dữ: “*Túc Vinh mà để ta mang nhục / Cố ý dằng dai chậm bước mình / Bịa chuyện tình nghi là gián điệp / Cho người vô cơ mất thanh danh / (Bị bắt ở Túc Vinh - Huệ Chi dịch)*.”

Sau cú va đập bất ngờ ấy; Người đã cân bằng, tỉnh táo - một bản lĩnh tự tin vốn có để nhìn nhận hiện thực khốc liệt đang bủa vây xung quanh. Người xác định “*Thân thể ở trong lao / Tinh thần ở ngoài lao / Muốn nên sự nghiệp lớn / Tinh thần càng phải cao / (Nam Trân dịch)*”. Chỉ có bốn câu hai mươi chữ, nhưng mỗi câu là một hoàn cảnh, một hành động, một ý nghĩ. Nhưng tất cả là sẵn sàng, chủ động đối phó với hoàn cảnh ngặt nghèo sắp xảy ra với Người. Tác giả còn vẽ hai bàn tay nắm chặt, gân guốc, cổ tay bị xiềng xích, giờ cao lên cũng rắn chắc như bài thơ, quyết liệt như bài thơ. Bốn câu, hai mươi chữ là một lời nguyện thề; không, hơn

thế: một quyết tâm, một ý chí không chịu lùi trước kẻ thù bạo tàn.

Tính hướng nội là niềm lạc quan tin tưởng vào thắng lợi tất yếu, vào tiền đồ tươi sáng của dân tộc luôn luôn thường trực trong tâm hồn nhà thơ: *"Đầu tường sớm sớm vằng dương mọc / Chiều cửa nhà lao cửa vẫn cài / Trong ngục giờ đây còn tối mịt / Ánh hồng trước mặt đã bừng soi / (Buổi sớm - khổ 1 - Xuân Thuỷ. Nam Trân dịch).*

Trong trận chiến này Người phải "đơn thương độc mã" trước một kẻ thù vô cùng hiểm độc, họ sẽ không từ một thủ đoạn nào để tìm cho ra Người là ai?

Với một đối thủ như thế, Hồ Chí Minh càng *"Phải nhìn cho rộng, suy cho kỹ / Kiên quyết không ngừng thế tấn công / Lạc nước hai xe đành bỏ phí / Gặp thời, một tốt cũng thành công"* (Khổ 2 - Học đánh cờ - Văn Trục, Văn Phụng dịch).

Nhưng tấn công như thế nào lại là một vấn đề về chiến thuật, khi Người đã bị trói, bị xiềng xích cả trong giấc ngủ?

"Hai cực trong xã hội / Quan toà và phạm nhân / Quan rằng anh có tội / Phạm thưa: Tôi lương dân / Quan rằng: Anh nói dối / Phạm nhân: Thực trăm phần / Quan toà tính vốn thiện / Làm ra vẻ dữ dần / Muốn khép người vào tội / Lại giả bộ ân cần / Ở giữa hai cực đó / Công lí đừng làm thân" (Lời hỏi - Huệ Chi dịch).

Người đã tìm ra cách riêng để cảm nhận sự hiện diện của hai thế giới: hiện thực và siêu thực khúc xạ lẫn nhau, va đập nhau, đối lập nhau, soi vào nhau làm cho thơ tù của Người có giá trị biểu tượng như một bức tranh tâm giới nhiều đường nét, nhiều sắc màu.

Trung Quốc từ cổ đại kéo dài hàng chục ngàn năm đến nay trải qua nhiều thời kỳ lịch sử: Chủ nô và nông nô; phong kiến địa chủ và nông dân; từ thế kỉ 18 trở đi giai

cấp đại địa chủ phong kiến cùng với người em sinh sau đẻ muộn là bọn tư sản công nghiệp xuất hiện. Đối lập với các giai cấp này vẫn là hàng trăm triệu nông dân đói rách và một tầng lớp lao động lầm than ở các khu công nghiệp.

Kẻ có tiền có quyền bao giờ cũng là kẻ mạnh; Kẻ mạnh phải thống trị kẻ yếu, kẻ yếu (không có quyền và tiền) phải phục tùng kẻ thống trị mình. Cái lí của kẻ mạnh bao giờ, ở đâu cũng thắng!

Chữ Trung Quốc ban đầu là những hình vẽ (tượng hình, tượng thanh), rồi dần dần hoàn chỉnh thành chữ viết. Họ muốn vẽ con ngựa có bờm, có 4 chân. Sau dần là chữ Mã; bốn chấm ở dưới là bốn chân ngựa. Họ tả (viết) nhà tù có chữ nhân ở giữa, chung quanh đóng khung bởi chữ khẩu dẹt như cái cũi ☐. Nhà tù là cái cũi nhốt người!

Hồ Chí Minh viết: *"Một ngày trong tù nghìn thu ở ngoài / Lời nói người xưa đâu có sai / Sống khác loài người vừa bốn tháng / Tiều tụy còn hơn mười năm trời /"* (Bốn tháng rồi - Nam Trân dịch).

Người nào chẳng may sa chân vào cái cũi này thì hoặc là gục ngã về tinh thần hoặc là gục ngã về thân xác!

Hồ Chí Minh dấn thân đi tìm tự do cho đất nước, cho dân tộc Người, nhưng Người lại bị tước đoạt quyền tự do cá nhân. Đây là bi kịch lớn với Người, với chúng ta. Câu nói bất hủ Người kêu gọi chúng ta đoàn kết đấu tranh chống Mĩ cứu nước: *"Không có gì quý hơn Độc lập Tự do"* là kết tinh của hàng chục năm, nhiều chục năm Người bôn ba năm châu bốn biển để giành lại hình ảnh của Đất và Nước.

Lịch sử thế giới, lịch sử Việt Nam chứng minh: không phải lúc nào chân lí Độc lập Tự do cũng thắng lợi dễ dàng. Để có được Độc lập - Tự do cho dân tộc, đất nước và cả Người - nhà thơ, lãnh tụ vô cùng kính yêu của chúng ta đã phải tỉnh táo trước mọi âm mưu hiểm hoạ

đối phương đã bày đặt sẵn: *"Quảng Tây giải khắp mười ba huyện / Mười tám nhà lao đã ở qua / Phạm tội gì đây ta thử hỏi / Tội trung với Nước với Dân à?"* (Đến Cục Chính trị Đệ tứ chiến khu - Nam Trân dịch).

Là một tù nhân đặc biệt, bị săn đuổi, bị làm ô uế thanh danh, Người còn phải chịu đựng biết bao âm mưu quỷ kế bày đặt sẵn của nhà cầm quyền: *"Đã giải đến Nam Ninh / Lại giải về Vũ Minh / Giải đi quanh queo mãi / Kéo dài cả hành trình / Bất bình"* (Giải đi Vũ Minh 18/11 - Văn Trục, Văn Phụng dịch).

Kịch bản này nhà cầm quyền quân phiệt Trung Hoa còn diễn lại sau khi Người đã bị giam giữ ở hang đá Phan Long. Buổi sáng ngày thứ 31, họ mở cửa sắt hang đá giải người đi Quế Lâm... Sau 40 ngày giam giữ *"Không đâu khổ đã bốn mươi ngày / Bốn chục ngày qua xiết đoạ đây / Nay lại giải về Châu Liễu nữa / Khiến người đã bức lại buồn thay!"* (Bài số 107 - Đỗ Văn Hỷ dịch).

Từ đây, trên dưới 6 tháng nữa, nhà cầm quyền khoá Người trong nhà biệt giam của Cục Chính trị Đệ tứ chiến khu!

Trên con đường dài dằng dặc, gian khổ, dân thân đi cứu dân cứu nước, Người đã phải hứng chịu biết bao đau buồn, khổ cực. Nhưng với Người, không nỗi đau nào hơn bằng nỗi đau bị tước đoạt quyền tự do.

Trong nhà tù, Người chạnh lòng nhớ về quê hương, đất nước, nghĩ về phong trào Cách mạng giải phóng đang phát triển, Người xót xa: *"Thà chết chẳng cam nô lệ mãi / Tung bay cờ nghĩa khắp trăm miền / Xót mình còn hăm trong tù ngục / Chưa được xông ra giữa trận tiền"* (Ở Việt Nam có biến động - Nam Trân dịch). Người nhớ về các đồng chí mình: *"Bến sông nhớ buổi tiễn đưa / Hỏi ngày về? Hẹn lúa vira thắm bông / Ruộng giờ*

cây mới đã xong/Tha hương mình vẫn khách trong lao tù" (Nhớ bạn - Huệ Chi dịch).

Một mình trong phòng biệt giam, đêm rồi đêm, ngày rồi ngày, mùa hè trôi đi chậm chạp, mùa thu phương Bắc với những cơn gió se lạnh lùa vào nhà giam không chắn, không chiếu, không áo ấm thì: ...*"Thân tù đâu thiết thu sang chữa/Chỉ thiết hôm nao mở cửa tù/"* (Cảm thu - Nam Trân, Bằng Thanh dịch).

Có những lúc Người đau đớn, vật vã đến cùng cực về thể xác và tình cảm tưởng như không thể vượt qua, Người phải gắng chịu để rồi thốt lên những câu thơ làm chúng ta se lòng: *".../Ở tù năm trọn thân vô tội/Hoá lệ thành thơ tả nỗi này"* (Đêm thu - Nam Trân dịch).

Thơ là do sự tác động của đối tượng bên ngoài, sự thôi thúc bên trong tâm hồn tác giả! *"Nhật ký trong tù"* rung động tận tâm can người đọc là bởi cảm xúc thật của tác giả được chắt lọc thành câu chữ. Cảm xúc thế nào thì viết ra như thế. Tính hướng nội đậm nét chiếm phần lớn số bài trong *"Nhật ký trong tù"* là do quan niệm về nhân sinh, quan niệm về thế giới của nhà thơ. Người thế nào thì thơ như thế.

Hồi kháng chiến chống Pháp, ở chiến khu Việt Bắc, có nhà thơ viết về Người như một "tiên ông đạo cốt", tưởng như thế mới là bày tỏ lòng yêu kính lãnh tụ. Nhưng Hồ Chí Minh không bao giờ thích tâng bốc, xu nịnh. Mỗi khi ngẫu hứng viết xong một bài thơ, Người thường đưa cho một "bạn thơ" nào đó đọc. Ấy cũng là lúc việc quân, việc nước đã bàn xong, đã có những quyết sách tối ưu cho nhiệm vụ trước mắt và lâu dài. Ta thấy Người *"Khuya về bát ngát trăng ngân đầy thuyền"* hoặc là *"Việc quân việc nước bàn xong/Gối khuya ngon giấc bên song trăng nhin"*!

Sở dĩ Người có được phong thái ung dung, chủ động như vậy là bởi *"Vĩ không có cảnh đông tàn/Thì đâu có"*

Độc Nhật ký trong tù - Đòi điều cảm nhận

cảnh huy hoàng ngày xuân / Nghĩ mình trong bước gian truân / Tai ương rèn luyện tinh thần càng hăng? (Tự khuyên mình - Nam Trân dịch).

Những bài thơ tự sự trữ tình trong “*Nhật ký trong tù*” dù nói tới sự đau khổ cùng cực ngoài sức chịu đựng của con người nhưng vẫn toát lên một chân trời lạc quan tin tưởng vào vận mệnh Đất nước và Dân tộc: “*Ngoại cảm trời Hoa cơn nóng lạnh / Nội thương đất Việt cảnh lâm than / Ở tù mắc bệnh càng cay đắng / Đáng khóc mà ta cứ hát tràn*” (Ốm nặng - Nam Trân dịch).

Quy luật trong vũ trụ, trong thiên nhiên là một yếu tố làm cho Người và thơ Người vừa uyên bác, súc tích, bóng bẩy lại vừa đơn giản như sự thực. Cũng có thể đây chỉ là liệu pháp, một cái cớ: ... “*Vì không có cảnh đông tàn / Thì đâu có cảnh huy hoàng ngày xuân*!”. Chúng ta có thể tìm thấy một trong các qui luật thiên nhiên và vũ trụ qua bài thơ “*Trời hửng*” Người viết trong những ngày cuối ở nhà biệt giam Cục Chính trị Đệ tứ chiến khu. Âm điệu trong bài thơ phảng phất một cái gì đó của các nhà hiền triết phương Đông về sự tuần hoàn tự nhiên của vũ trụ. Hết mưa trời sẽ nắng, khổ mãi rồi sẽ tới ngày vinh quang.

“*Trời hửng*” là một bài thơ trữ tình, lòng người hoà với thiên nhiên, từng bừng nhận nhịp một tiếng reo vui: “*Sự vật vẫn xoay đã định sẵn / Hết mưa là nắng hửng lên thôi, Đất trời một thoáng thu màn ướt / Sông núi muôn trùng trải gấm phơi / Trời ấm hao cười chào gió nhẹ / Cây cao chim hót rộn cảnh tươi / Người cùng vạn vật đều phơi phơi / Hết khổ là vui vốn lẽ đời*” (Trời hửng - Nam Trân dịch).

Khi thi nhân Hồ Chí Minh nhập thân là người tù bất đắc dĩ của chế độ tù ngục Quốc dân đảng Trung Hoa nổi tiếng tàn bạo, Người vẫn tách mình ra để nhìn nhận sự việc, nhìn nhận hoàn cảnh. Người đau đớn chịu đựng

chung với số phận của đồng bào ông Tưởng chẳng may sa chân vào chõn này:

Ăn thì *"Không rau không muối canh không có / Mỗi bữa lưng cơm đồ gọi là"* (*"Cơm tù"*)... *"Cháo tù mỗi bữa chia lưng bát"*.

Ngủ thì: *"Dữ tựa hung thân miệng chực nhai / Đêm đêm há hốc nuốt chân người / Mọi người bị nhốt chân bên phải / Co duỗi chỉ còn chân trái thôi / (Khổ 1) Nghĩ việc trên đời kì lạ thật / Cùm chân sau trước cũng tranh nhau / Được cùm chân mới yên bề ngủ / Không được cùm chân biết ngủ đâu?"* (*Cái cùm* - Nam Trân dịch).

Bị dày dụa về ăn ở như vậy làm sao tránh được bệnh tật: *"Đầy mình đỏ tím như hoa gấm / Sốt soát luôn tay tựa gậy đàn / Mặc gấm, bận tù đều khách quý / Gậy đàn, trong ngục thấy tri âm"* (*Ghẻ lở* - Văn Trục, Văn Phụng dịch).

Có thể nói giữa người tù chính trị đặc biệt Hồ Chí Minh với những người tù là đồng bào của ông Tưởng hình như không có khoảng cách về tình cảm và tâm trạng. Người đau với nỗi đau của họ. Người buồn với nỗi buồn của họ. Người xót xa đến xé lòng khi nghe thấy tiếng trẻ con trong chõn địa ngục trần gian: *"Oa! Oa! Oa! / Cha sợ xung quân cứu nước nhà / Nên nỗi thân em vừa nửa tuổi / Phải theo mẹ đến ở nhà pha"* (*Cháu bé trong ngục Tân Dương* - Nam Trân dịch).

Trong chõn tù đầy, mọi sự vô lí trái ngược nhau, đều có thể xảy ra, ngang nhiên tồn tại. Không biết trên thế giới này có quốc gia nào lại có cái luật kì quặc: Người chồng trốn quân dịch thì người vợ phải vào tù thay: *"Biên biệt anh đi không trở lại / Buồng the trở trại thiếp ôm sầu / Quan trên xót nỗi em cô quạnh / Nên lại mời em tạm ở tù"* (*Gia quyến người bị bắt lính* - Nam Trân dịch).

"Cuộc chơi" sân lũng Cộng sản của ông Tưởng Giới Thạch không những ở nước ông ta; ông ta đã chuyển vùng săn đuổi Cộng sản sang nước láng giềng Việt Nam.

Bốn tháng rồi, người chiến sĩ Cộng sản số một Việt Nam bị ông ta nghi ngờ tới Trung Quốc để phá “tổ chức chính trị” của một số “người Việt Nam lưu vong” đang nhộn nhịp, tất bật ở Liễu Châu, Tĩnh Tây, Quế Lâm, Vân Nam... để làm “cách mạng giải phóng” trong cái hủu bao của Đệ tứ chiến khu!

*“Một ngày tù nghìn thu ở ngoài / Lời nói người xưa
đâu có sai / Sống khác loài người vừa bốn tháng / Tiểu
tuy còn hơn mười năm trời / Bể vì: Bốn tháng cơm không
no / Bốn tháng đêm thiếu ngủ / Bốn tháng áo không
thay / Bốn tháng không giặt giũ / Cho nên: Răng rụng
mất một chiếc / Tóc bạc thêm mấy phần / Gầy đen như
quỷ đói / Ghẻ lở mọc đầy thân /” (Bốn tháng rồi)*

Ba khổ thơ trên Người chứng minh sự mất tự do, một ngày bị giam hãm trong tù dài dặc như ngàn thu ở ngoài; nhưng Người không chỉ bị cướp tự do một ngày mà đến nay đã là bốn tháng.

*May mà: “/ Kiên trì và nhẫn nại / Không chịu lùi một
phân / Vật chất tuy đau khổ / Không nao núng tinh thần”*
(*Bốn tháng rồi* - Nam Trân dịch). “May mà” là từ liên tiếp từ, từ khổ 3 đến khổ 4 thật tự nhiên, không gò bó. Nếu một người khác viết như vậy chắc đã bị phê phán không tiếc lời! Ở đây, Hồ Chí Minh dùng chữ “may mà” rất tự nhiên và thật với lòng mình. Ý nghĩa và sức mạnh của trí lực nhà thơ là ở bốn câu dưới.

Hồ Chí Minh còn bị săn đuổi hơn ba lần bốn tháng, có thể còn hơn “gầy đen như quỷ đói”.

Không biết trong 18 nhà giam Người đã trải qua có người nào bằng hoặc hơn tuổi Người tù Hồ Chí Minh? Nhưng lòng nhân ái, tình thương người của Hồ Chí Minh thật bao la. Người chịu đựng chung, chia sẻ chung với số phận tù đầy của đồng bào ông Tưởng dù người tù đó là tù cờ bạc; họ vẫn là một con người: *“Thân anh da*

*bọc lấy xương / Khổ đau đói rét hết phương sống rồi / Đêm
qua còn ngủ bên tôi / Sáng nay anh đã về nơi suối vàng”*
(*Một người tù cờ bạc vừa chết - Nam Trân dịch*).

Bản thân Người phải gồng mình lên chịu đựng sự đè
nén từ mọi phía. Vậy mà, Người vẫn mở lòng để chia sẻ
với những người xung quanh cùng cảnh ngộ!

Cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng, một trong những
người học trò xuất sắc nhất của Người nhiều chục năm
được sống, làm việc bên Người từng viết: *“Tính nhân
đạo, tình thương đồng bào, đó là điều sâu sắc nhất, tốt
đẹp nhất trong con người Hồ Chí Minh!...”*

Tình thương ấy xuất phát từ sự cảm thông, đau với
nỗi đau của con người. Đã là con người thì dù không phải
là đồng bào, họ vẫn là CON NGƯỜI!

Khi còn bị giam ở ngục Tĩnh Tây, nghe tiếng sáo cất
lên ai oán đau đó, gợi cho Người một ý thơ: *“Trong lao
vẳng khúc nhạc tình quê / Âm chuyển sâu thương điệu tái
tê / Muôn dặm quan hà khôn xiết nỗi / Lên lầu ai đó chốn
phòng khuê”* (Người bạn tù thổi sáo - Huệ Chi dịch).

Có lẽ lúc ấy ngoài trời đã tối, trong nhà giam còn tối
hơn. Nhà thơ nghe tiếng sáo não ruột của một người tù
nào đó bỗng chạnh lòng cảm thương. Chỉ với bốn câu hai
mười tám chữ người thơ đã vẽ ra một bức tranh bằng vài
nét chấm phá, đọc lên thương thương, buồn buồn..

Ngoài hai nhân vật chính là người thổi sáo và khuê
phụ ở đâu đó xa lắm; còn một người thứ ba nữa, đang bị
giam trong nhà giam này vừa là thánh giả, vừa là tác giả
bài thơ. *“Muôn dặm quan hà khôn xiết nỗi”* - Tiếng sáo
cũng là nỗi niềm của nhà thơ nhớ về đất nước, về đồng
bào, đồng chí mình. Từ một tiếng sáo trúc, nhà thơ đưa
người đọc đến hai mối liên tưởng: Cảnh tượng sinh li tử

biệt “*quan san muôn dặm vô hạn cảm*” của vợ chồng người tù và nỗi niềm của chính tác giả.

Tiếng sáo trúc đã vô tình; không, đúng hơn là người thơ đã bắc cầu cho hai vợ chồng người tù đến với nhau. Tiếng sáo bay qua bốn bức tường nhà giam đến một nơi nào đó có khuê phụ; khuê phụ bước lên lầu cao để nghe cho thật rõ cung trầm cung bổng của cây sáo trúc. “*Khuê nhân cánh hướng nhất tầng lầu*” (*Lên lầu ai đó chốn phòng khuê*).

“*Người bạn tù thổi sáo*” là một trong những bài thơ hay trong “*Nhật ký trong tù*”, có vẻ giống giống Đường nhưng lại không phải là cổ thi bởi tấm lòng của tác giả vui với nỗi vui của thiên hạ, buồn với nỗi buồn của thiên hạ! Tiếng sáo trúc nhưng đây lại là tiếng nói thầm, thủ thủ của tác giả bao giờ cũng đặt chữ Nhân lên hàng đầu trong mọi quan hệ giữa người với người.

Trong chúng ta có những người lãnh cảm với cảnh, với vật xung quanh. Người ta đứng dưng trước những đau khổ của người khác, trước những cảnh chia li đầy nước mắt của đôi vợ chồng trẻ.

Hồ Chí Minh sinh ra không phải là để làm thơ. Những bài thơ rất hay của Người lại là những bài viết về cảnh ngộ sinh li tử biệt, nỗi đau khổ oan ức của con người. Điều đó chỉ có thể có ở những con người lấy chữ “Nhân” làm trọng. “*Anh ở trong song sắt/Em ở ngoài song sắt/Gần nhau chỉ tắc gang/Mà cách nhau trời vực/Miệng nói chẳng nên lời/Chỉ còn nhờ khoé mắt/Chưa nói lệ tuôn rơi/Tình cảnh ái ngại thật*” (*Vợ người bạn tù đến nhà lao thăm chồng* - Hoàng Trung Thông, Nam Trân dịch).

Ta gặp đâu đây một ý thơ giống giống bài cổ thi đời Đường: “*Quân tại Tương giang đầu/Thiếp tại Tương giang vĩ/Đồng ảm Tương giang thủy/Tương tư bất tương kiến*”.

Sự giống giống ấy là quan san cách trở bởi hoàn cảnh do nhà thơ tưởng tượng ra. *"Chàng ở đầu sông Tương/Thiếp ở cuối sông Tương/Cùng uống nước sông Tương/Nhớ nhau mà không gặp."*

Bài thơ *"Vợ người bạn tù đến nhà lao thăm chồng"* thì xa cách nhau chỉ trong tác gang nhưng cái song sắt nhà tù đã ngăn trở họ. Hoàn cảnh ấy mới oái oăm, mới nghiệt ngã làm sao. Cái bi ở cửa sắt nhà tù lớn gấp bội cái bi ở đầu, cuối sông Tương của chàng và thiếp. Tiếng lòng của nhà thơ Hồ Chí Minh như là tiếng nấc của hai vợ chồng người tù. Rồi người thơ đã có thái độ rõ ràng: *"Tình cảnh ái ngại thật!"* Đó là sự khác nhau giữa thơ cổ Đường với thơ lối cổ của Hồ Chí Minh.

Còn biết bao nhiêu điều vô lí nữa cứ ngang nhiên tồn tại - Trong tù có đẳng cấp tù: tù giàu, tù nghèo, tù quan, tù dân. Bị sa chân vào chốn này, nếu tù nào có nhiều tiền đút cho các quan cai ngục, các "sếp gian" thì dù anh có phạm tội giết người, cướp của, đốt nhà... anh vẫn được ăn uống no say, hút sách phê phởn. Anh nghèo không có tiền "lót tay" phải nằm cạnh cầu tiêu là cái chắc. Anh hãy biết thân, biết phận:... *"Tù cứng ngày ngày no rượu thịt/Tù nghèo dãi với lệ cùng tuôn"* (Tù cờ bạc - Nam Trân dịch).

Thói thường, ở đâu cũng thế, giữa các quan, các sếp nhà tù với tù nhân bao giờ cũng là đối lập, là thù hằn oán giận. Nhưng Hồ Chí Minh lại có sự phân biệt: trong các cai ngục cũng còn có những người tốt bụng: *"Trưởng ban họ Mạc người hào hiệp/Dóc túi mua cơm giúp phạm nhân/Đêm đến cởi thừng cho họ ngủ/Chẳng dùng quyền thế, chỉ dùng ân"* (Trưởng ban họ Mạc-Nam Trân dịch).

Những ngày tháng cuối ở nhà biệt giam Cục Chính trị có một số sĩ quan và nhân viên Cục Chính trị tới thăm Người. Hình như những sự thăm hỏi này báo trước một điều gì đó sắp đến!

Cả cuộc đời dân thân đi tìm tự do hạnh phúc cho dân tộc, cho đất nước, đến thời gian ấy Hồ Chí Minh đã hai lần mất tự do (lần thứ nhất Người bị nhà cầm quyền Anh ở Hương Cảng bắt giữ từ ngày 6/5/1931 đến ngày 28/12/1932); và lần này Người bị nhà cầm quyền Trung Hoa Quốc dân đảng bắt giữ tại Túc Vinh từ ngày 29/8/1942. Hai lần bị bắt giữ cách nhau gần 10 năm.

“/Ta là đại biểu dân Việt Nam /Tìm đến Trung Hoa để hội đàm /Ai ngờ đất bằng gậy sóng gió /Phải làm “khách quý” tại nhà giam /” (Khổ 2 Đường đời hiểm trở - Nam Trân dịch). *“/Ta người ngay thẳng lòng trong trắng /Lại bị tình nghi là Hán gian /Xử thế từ xưa không phải dễ /Mà nay xử thế khó khăn hơn”* (Khổ 3 Đường đời hiểm trở - Nam Trân dịch).

Điều dễ hiểu: chẳng may cho bất kì ai sa chân vào chốn tù ngục nổi tiếng tàn bạo trên thế giới này thì một mạng người, một trăm mạng người cũng có thể được xử lí đúng như chủ trương nổi tiếng của nhà cầm quyền chớp bu Quốc dân đảng ở Trùng Khánh “thà giết nhầm còn hơn bỏ sót”! Hồ Chí Minh là một người tù đặc biệt, là Cộng sản, là Hán gian chắc chắn không phải là ngoại lệ.

“Trên đời muôn vạn lần cay đắng /Cay đắng chi bằng mất tự do” (Câu 1, 2 khổ 2 Cảnh bình khiêng lợn cùng đi - Nam Trân dịch).

Trong chốn tù ngục hôi hám này nói đến lẽ phải, bình đẳng, công lí... là chuyện khôi hài! *“Ở giữa hai cực đó /Công lí đứng làm thân”*!

Nhưng cái đã bị cướp mất cần phải đòi lại bằng mọi giá!

Trước hết Hồ Chí Minh đã “dĩ bất biến, ứng vạn biến” lấy quyền lợi tối cao Độc lập Tự do của dân tộc là nguyên tắc bất di bất dịch: *“Ta là đại biểu dân Việt Nam /Tìm đến Trung Hoa để hội đàm”* Ta đến quý quốc bàn việc phối hợp hành động đánh phát xít Nhật, là khách của

quí quốc, vì lẽ gì vu cáo ta là Hán gian? Cái lí sáng đó không phải ai cũng tâm ra trong trường hợp này: và không phải là không có sức thuyết phục nhiều người trong giới lãnh đạo chớp bu Chính phủ Trung ương Trùng Khánh. Cái lí ấy là bản lĩnh, là khát vọng Tự do của Hồ Chí Minh. Để cái lí đó thắng và sẽ thắng thì trước hết phải giành lấy tự do riêng cho mình trong bốn bức tường giam. Hồ Chí Minh giành cho mình tư cách là “khách quí”, là *“Tự do tiên khách trên trời/Biết chẳng trong ngục có người khách tiên”* (Câu 3, 4 bài *Quá trưa* - Nam Trân dịch).

Khi nói tới tính hướng nội là bản sắc đặc biệt trong *“Nhật ký trong tù”*, ta không thể bỏ qua gần 40 bài thơ vắn thơ Người viết về tự do, mong mỗi thoát khỏi tù ngục, chiếm tới gần 1/5 số bài toàn tập. Tỷ lệ không nhỏ này không những chỉ là sự day dứt bị hãm hại trong tù ngục, còn là khát vọng cháy bỏng để thoát ngục.

Tuỳ theo hoàn cảnh không gian, thời gian qua các nhà tù khác nhau trên đất Quảng Tây, trên đường bị áp giải từ nhà tù này đến nhà tù khác, cảm xúc của nhà thơ hiện ra với những sắc thái riêng. Tự do đã trở thành ý chí, nghị lực, mong đợi, hy vọng... để Hồ Chí Minh luôn luôn được *“Thân thể ở trong lao/Tinh thần ở ngoài lao/”*

Có người nói *“Tinh thần ở ngoài lao”* là Tuyên ngôn của Hồ Chí Minh thực ra cũng không sai. Nói rằng đó là bản lĩnh tự chủ của Người thì đúng hơn. Để có được bản lĩnh tự chủ đó, ngay từ bài thơ thứ hai Người viết khi mới bị đưa vào nhà ngục huyện Tĩnh Tây: *“Còn lại trong tù khách tự do”* (Ngục trung lưu trú tự do nhân).

Từ tâm thức của một con người coi thường gian khổ, hiểm nguy đến tính mạng mình, Người luôn luôn hoá giải thành chuyện bình thường. Đã mất tự do lại còn bị trời

chân tay trên đường đi, ở vào những người khác khó mà chịu đựng nổi. Nhưng ở Hồ Chí Minh, tận đáy lòng mình, Người vẫn nghe thấy sự vận động của thiên nhiên, của trời đất với một thái độ lạc quan hiếm thấy: *"Dầu trời chân tay đến ngất nghèo / Khắp rừng hương ngát với chim kêu / Tự do thưởng ngoạn ai ngăn được / Cô quanh đường xa với ít nhiều"* (Trên đường - Huệ Chi dịch).

Khi người tù tự do thưởng ngoạn hương ngát với chim kêu, chắc gì 6 người lính cảnh vệ áp giải Người lại hiểu rằng bên trong người tù chính trị nước ngoài đặc biệt này lại là một nhà thơ lớn. Ta không trách gì họ; họ đi lính là để có tiền mang về nuôi mẹ già, con thơ. Họ chỉ là lưỡi dao, cái chuôi dao ở đâu đâu tận Trùng Khánh.

Tinh thần lạc quan yêu đời, coi thường gian khổ hiểm nguy chính là để vô hiệu hoá bốn bức tường nhà ngục, là để vô hiệu hoá xiềng xích cùm chân tay Người; để tự do "lâm thưởng"! Còn xiềng xích chỉ là: *"Hôm nay xiềng sắt thay dây trời / Mỗi bước leng keng tiếng ngọc rung / Tuy bị tình nghi là gián điệp / Mà như khanh tướng vẻ ung dung"* (Đi Nam Ninh - Nam Trân dịch).

Tính lạc quan yêu đời của thi nhân, đến bài thơ này đã trở thành hài hước. Người cười thật sảng khoái ví xiềng xích đang thít chặt vào chân tay như là *"tua đai quan võ"* mỗi bước đi xiềng xích kêu *"như tiếng ngọc rung"*!

Nhưng sức chịu đựng của Người là hữu hạn, âm mưu và chủ trương của ông Tưởng Giới Thạch thì vô hạn. Đã có lúc Người phải thốt lên khắc khoải: *"Trời xanh cố ý hãm anh hùng / Cùm xích tiêu ma tám tháng ròng / Tác bóng nghìn vàng đau xót thực / Bao giờ thoát khỏi chốn lao lung?"* (Tiếc ngày giờ - Nam Trân dịch).

THIÊN NHIÊN TRONG “NHẬT KÝ TRONG TÙ”

Trong cuộc sống riêng, Hồ Chí Minh rất đổi gần bó với thiên nhiên: Trời - Mây - Sông - Nước - Trăng - Sao - Tiếng suối reo - Tiếng chim hót - Gió - Hoa...!

Chuyện kể rằng: khi Người từ chiến khu Việt Bắc trở về Thủ đô Hà Nội giải phóng (tháng 10/1954), Văn phòng Chủ tịch nước sắp xếp Người ăn nghỉ, làm việc trong dinh Toàn quyền Đông Dương cũ, Người không chịu! Người yêu cầu bố trí hai căn phòng nhỏ (một để làm việc, ăn nghỉ; một để tiếp khách) - vốn là nơi ở cũ của người lái xe và bồi bếp của quan Toàn quyền!

Ít lâu sau, Người yêu cầu Văn phòng làm cho mình một ngôi nhà sàn gần đó. Trước ngôi nhà sàn có hồ nuôi cá, bên phải là vườn trồng rau, cây ăn quả. Đằng sau nhà sàn là những hàng cây bóng mát.

Ngôi nhà sàn, vườn cây, ao cá in bóng hình Người đến khi Người ra đi vào cõi vĩnh hằng...

Nghĩ rằng thơ tù, thơ trong “*Nhật ký trong tù*” thì chỉ có cùm xích, đói rét... Vậy mà, Hồ Chí Minh đã viết gần 30 bài, chiếm gần 1/4 số bài trong tập thơ có mây, trăng, sông, núi, gió, mưa... để nói tâm trạng của mình.

Trong 40 ngày đêm bị giam ở nhà ngục Tĩnh Tây, Hồ Chí Minh đã viết 24 bài thơ, trong đó 4 bài: “*Buổi sớm*” - “*Buổi trưa*” - “*Quá trưa*” - “*Chiều hôm*” như đếm bước thời gian một ngày chậm chậm trôi đi. Sự bí bách của nhà tù chính là cái cửa nhà tù bằng sắt lúc nào cũng đóng chặt chia cắt nhà tù với thế giới bên ngoài. Ở ngoài, mặt trời

đã lên cao, nhưng nhà lao thì vẫn tối mịt mùng: “.../Đầu tường sớm sớm vừng dương mọc/Chiếu cửa nhà lao cửa vẫn cài/Trong ngục giờ đây còn tối mịt/Ánh hồng trước mặt đã bừng soi” (Buổi sớm - Nam Trân dịch).

Nhà thơ Hồ Chí Minh trong chốn u ám của cảnh tù đầy tâm tối với cánh cửa cài chặt, ngăn cách vẫn nhìn thấy vừng dương; bởi Người đã nhìn thế giới bên ngoài bằng một lăng kính riêng, chỉ riêng Người mới có. Tâm nhìn của Người không bó hẹp trong không gian nhà tù. Người đã đưa vào thơ tù cả mặt trời, mặt trăng, bông hoa trước cửa ngục... Đành rằng những thứ quý giá đó chỉ là tưởng tượng, ngoại trừ những khi bị áp giải trên đường từ nhà lao này đến nhà lao khác, Người mới được trực tiếp tiếp xúc với thiên nhiên.

Ở nhà ngục Tĩnh Tây, ngoài 4 bài thơ ước định thời gian một ngày tù chậm chậm trôi đi, Hồ Chí Minh còn viết hai bài “Ngắm trăng” (Vọng nguyệt) và bài “Trung thu” (2 khổ 8 câu): “Trong tù không rượu cũng không hoa/Cảnh đẹp đêm nay khó hững hờ/Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ/Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ” (Ngắm trăng - Nam Trân dịch). Bài thơ thật độc đáo, thấm thía giữa người và trăng, trăng và người. Trăng đã được nhà thơ nhân cách hoá, biết đi đứng nói cười. Nhưng trăng bị rịn qua khe cửa để đến với người thơ - Cái khe cửa nguyệt ngả chốn tù đầy đã làm cho người thơ và trăng cách trở! Cũng có thể nhà thơ không muốn trăng hiện diện nguyên hình trong chốn u ám tù ngục, tội cho trăng!

Thiên nhiên và tình yêu là đề tài muôn thuở của thi ca phương Đông nói chung, thơ cổ Việt Nam nói riêng. Ngôi đền thơ của các nhà thơ là nơi đi đi, về về của rượu, trăng, hoa, gió, mây, sông nước...

Trong nhà ngục Tĩnh Tây lấy dâu ra hoa, rượu? Nhưng cảm hứng thi ca trong người chiến sĩ cách mạng, người thơ Hồ Chí Minh vẫn dạt dào bởi *“cảnh đẹp đêm nay khó hững hờ”*. Hồ Chí Minh đã tạm quên đi cái bóng đêm dày đặc và cái cùm xích dưới chân để thả tâm hồn ra ngoài kia với trăng, với ánh sáng.

“Vọng nguyệt” có bốn câu, hai mươi tám chữ, ta thấy đủ cả: hoàn cảnh, tâm trạng. Ta thấy cả ba nhân vật đang quây quần với nhau: Trăng - Người - Thi nhân.

Bài *“Vọng nguyệt”* rất Đường mà không Đường chính là thái độ nhìn nhận của thi nhân. Rất tiếc ở câu 4: *“Nguyệt tòng song khích khán thi gia”*, người dịch không lột tả được hết ý thơ: “Tòng” là theo, từ đây; “Song kích” là khe cửa sổ; “Khán” là nhìn, trông - “Nhòm” có ý lén lút, nhìn trộm, tò mò. Đã “nhòm” lại còn “ngắm” nên thừa một động tác. Câu này nên dịch như sau: “Trăng qua khe cửa ngắm nhà thơ!”.

Người yêu thiên nhiên, thiên nhiên lồng lẩy trong *“Nhật ký trong tù”*; Nhưng cũng có lúc thi nhân bất lực trước thiên nhiên đẹp, trước trăng đẹp. Trăng chỉ được qua khe cửa nhà tù ngắm nhà thơ. Với hai câu cuối trong bài *Trung thu* (số 24) Người buồn bực, Người phản ứng: *“... / Chẳng được tự do mà thưởng nguyệt / Lòng theo vời vời mảnh trăng thu”* (*Trung thu* - Nam Trân dịch).

Tiếc thay, trong bốn bức tường bịt bùng của nhà giam, những bài thơ có thiên nhiên chỉ còn là tưởng tượng: *“Đêm thu không đêm cũng không chăn / Gôi quắp, lưng còng, ngủ chẳng an / Khóm chuối trăng soi càng thấy lạnh / Nhòm sang Bắc Đẩu đã nằm ngang”* (*Đêm lạnh* - Nam Trân dịch). Khoảng cách giữa thiên nhiên và người tù ngày càng xa vời thì một tiếng chim, một tiếng lá rơi ở đâu đó vọng vào nhà tù cũng là một tác động nho nhỏ

Độc Nhật ký trong tù - Đôi điều cảm nhận

gợi ý một vần thơ thật đa diết: *"Hoa hồng nở, hoa hồng lại rụng / Hoa tàn hoa nở cũng vô tình / Hương hoa bay thâu vào trong ngục / Kẻ với tù nhân nổi bất bình"* (Cảnh chiều hôm - Nam Trân dịch).

Thiên nhiên không bao giờ lọt vào được bốn bức tường nhà giam; nhưng người tù - thi nhân Hồ Chí Minh đã có cách riêng để đưa thiên nhiên vào trong thơ, dù rằng chỉ là tưởng tượng. Sự tưởng tượng của thi nhân bị gián cách nhưng không vì thế mà thiên nhiên trở nên khiên cưỡng cảm xúc của nhà thơ: *"Đầu non sớm sớm vừng dương mọc / Khắp núi nơi nơi rực ánh hồng / Chỉ bởi trước lao còn bóng tối / Mặt trời chưa rọi thâu vào trong"* (Cảnh buổi sớm - Nam Trân dịch).

Chỉ đến khi trên đường bị áp giải từ trại giam này đến trại giam khác, người tù - thi nhân Hồ Chí Minh mới được trực tiếp với thiên nhiên. Thiên nhiên và người thơ bỗng trở nên sống động lạ thường: *"Dấu trói chân tay đến ngất nghèo / Khắp rừng hương ngát với chim kêu / Tự do thường ngoạn, ai ngăn được / Cô quạnh đường xa, với ít nhiều"* (Trên đường - Huệ Chi dịch).

Khi bất chợt gặp thiên nhiên hùng vĩ với trời, mây, sông, nước,... thi nhân sẽ quên hoàn cảnh mình đang bị 6 lính Tào Tướng áp giải để thả hồn vào thơ; thiên nhiên bỗng hoà vào thơ, là tình của thơ, thơ là tình của người thơ.

Bất cứ một bài thơ nào trong *"Nhật ký trong tù"* của Hồ Chí Minh có thiên nhiên xen vào hoặc hoàn toàn là thiên nhiên đều là những bài thơ hay, thậm chí rất hay. Đọc bài *"Giải đi sớm"*, chúng ta không thấy người tù, chỉ thấy thiên nhiên bao la. Câu mở một bài thơ ghi lại thời điểm bị giải đi, một ngày vô định bắt đầu trong cảnh tối tăm mịt mù bữa vầy: *"Gà gáy một lần đêm chưa tan"* (Gà gáy một lần là canh một, là nửa đêm). Đến câu hai *"Chòm sao nâng nguyệt vượt lên ngàn"* là trăng sao lấp

lánh vượt lên đại ngàn. Chúng ta luôn cảm được tấm lòng thi nhân không bao giờ lụi vì hoàn cảnh: Canh một đã phải “*Người đi cất bước trên đường thăm/Rát mặt, đêm thu trận gió hàn*”. Ở khổ 1 thiên nhiên và người thơ đối lập với nhau: Tôi - Ta - Lão phu - Thi nhân phải chống chọi với canh một - *Đêm chữa tan - Rát mặt - Gió hàn*... Nhưng *chòm sao - ánh sáng* của tâm hồn nhà thơ đã toả ra, đã át đi những đau đớn, cô đơn bủa vây chung quanh. Ánh sáng đó còn được Người thơ ghi lại ở khổ 2: “*Phương Đông màu trắng chuyển sang hồng/Bóng tối đêm tàn, sớm sạch không/Hơi ấm bao la trùm vũ trụ/Người đi thi hứng bỗng thêm nồng*” (Khổ 2 - *Giải đi sớm* - Nam Trân dịch)

Cả bài thơ hai khổ 8 câu 56 chữ ta thấy: *người đi, tiếng gà gáy, sao, trăng, rừng, đêm thu, gió lạnh, bóng tối, ban mai*... nhà thơ Hồ Chí Minh đã vẽ ra.

Một bức tranh thiên nhiên đẹp: *Đêm chữa tan, Trời chưa rạng, mới canh một, một người đã lên đường đi xa (thăm) trong gió thu lạnh lẽo rát mặt... Người cứ đi, đi mãi. Đẳng xa kia là chân trời phía Đông đã ló rạng...*

Bài thơ chỉ nói tới thiên nhiên, cảm xúc với thiên nhiên nửa đêm về sáng. Thi nhân chỉ nói tới người đi đường và trước thiên nhiên ấy “*thi hứng bỗng thêm nồng*”! Người đã tự thoát ra khỏi xiềng xích tù đày, hoá thân thành người thơ đi tìm cảm hứng cho thơ. Cái hay ở bài thơ còn là: thi nhân đã sử dụng bút pháp điều luyện trong thơ cổ để nói tới hiện tại mà không gượng ép, không gò bó. Bài thơ cứ hiện dần lên sự lạc quan sáng khoái: Chính nghĩa thắng tà tâm, ánh sáng thắng bóng tối, niềm tin vào tương lai. Cảm xúc nồng nàn nhất quán tạo thành tứ thơ chính là vì lý đó, tình đó.

Âm điệu trầm hùng của bài thơ, tứ thơ qua cảm xúc giàu chất trữ tình của thi nhân, đặc biệt là ở khổ 2 gây

cho chúng ta ấn tượng về sự vận xoay của vũ trụ: *trời đã sáng, hơi ấm xua đi giá lạnh*. Ở thời điểm bị “Giải di sớm” như thế này thì chỉ có Hồ Chí Minh mới hiểu được qui luật của vũ trụ thể hiện thành thơ bởi Người lạc quan, Người tin tưởng mãnh liệt vào tiền đồ tươi sáng của dân tộc Người, đất nước Người.

Biết rằng đã dấn thân vào cuộc đời cách mạng là phải gian khổ, hiểm nguy thậm chí phải hy sinh tính mạng.

Người làm cách mạng là người biết buồn, vui, ghét, yêu hơn ai hết. Chính vì biết buồn vui, đau nỗi đau của thiên hạ mới đi làm cách mạng, mới dấn thân.

Độc hai câu đầu bài “*Chiều tối*” (bài số 31) ta bâng khuâng như tác giả - người cộng sản số một Việt Nam Hồ Chí Minh đang bị áp giải trên đường đi chưa biết đâu là điểm dừng. Trời đã về chiều. Trời đã gần tối. Con người vĩ đại ấy bỗng thấy lẻ loi, cô đơn. Người lẻ loi như cánh chim trời, lẻ loi như chòm mây giữa tầng không. Người lẻ loi giữa bốn bức tường nhà giam u tối, hôi hám; giữa cuộc hành trình bất đắc dĩ ở xứ lạ đang rắp tâm xô đẩy dầy đoạ Người.

Ai biết được cánh chim kia sẽ bay về đâu? Ai biết được chòm mây lơ lửng trên tầng không sẽ bay về đâu?

Chỉ với hai câu Người nói cảnh, cảnh nói Người - nói về tâm trạng Người: *Sự mệt mỏi và cô đơn*. Người nói thật lòng mình đấy, mà không phải là hô khẩu hiệu để “tiến lên phía trước”: “*Chim mỏi về rừng tìm chốn ngủ / Chòm mây trôi nhẹ giữa tầng không / ...*”

Nhưng đến câu thứ ba, câu thứ tư bỗng rẽ ngoặt sang một tứ thơ vốn được chờ đợi: “*.../ Cô em xóm núi xay ngô tối / Xay hết lò than đã rực hồng*” / (*Chiều tối* - Nam Trân dịch).

Hai câu dưới đã xua tan đi sự cô đơn, lẻ loi ở hai câu trên: Cô thôn nữ xay sát ngô chắc là để chuẩn bị cho bữa tối. Khi xay hết ngô thì lò than đã rực hồng. Đây là hình ảnh một mái ấm gia đình khi trời đã tối, màn đêm buông xuống, mọi người đã trở về sum họp và ... tất nhiên là có cả tiếng cười nói râm ran (Tiếc rằng bài thơ đã dịch thiếu một chữ ở câu hai: "*Cô vân mạn mạn độ thiên không*" Cô vân là chùm mây lẻ loi. Câu thứ ba lại thừa chữ "tôi". Câu này nguyên văn tác giả viết là: "Sơn thôn thiếu nữ ma bao túc" (Cô gái nông thôn miền núi xay ngô). Thêm chữ tối vào cuối câu đã để lộ tứ thơ. Vả lại ở đề bài tác giả đã viết "*Mộ*" là (Chiều tối) rồi.

Đến đây ta thấy bên cạnh cái "tôi" trữ tình của thi nhân Hồ Chí Minh (hoặc là ta, là lão phu) là nhân vật thứ nhất; những người tù trong các trại giam và hoàn cảnh của họ, đã đi vào thơ Người là nhân vật thứ hai, đối tượng miêu tả thứ hai; còn một nhân vật thứ ba nữa trong thơ tù Hồ Chí Minh không ai khác chính là thiên nhiên. Nhân vật thứ ba này đã hoá thân vào nhà thơ, vào cái tôi của nhà thơ. Thiên nhiên đã giúp cho Hồ Chí Minh phá vỡ sự cô đơn dằn vặt khủng khiếp để Người được thăng bằng một chút trong chốn lao tù khổ ải. Thiên nhiên trong thơ Hồ Chí Minh nói chung và thơ trong "*Nhật ký trong tù*" nói riêng tôn vẻ đẹp, nhân lên sức nặng của những vần thơ.

Thiên nhiên là đề tài muôn thuở của thơ ca. Thơ Hồ Chí Minh lấp lánh mặt trời, trăng sao, tiếng chim ca, tiếng suối reo... cũng không là ngoại lệ!

Ấy vậy mà Người lại viết trong "Khán thiên gia thi hữu cảm".

Cổ thi thiên ái thiên nhiên mĩ

Sơn - Thủy - Yên - Hoa - Tuyết - Nguyệt - Phong

Hiện đại thi trung ưng hữu thiết

Thi gia dã yển hội xung phong

*Thơ xưa thường chuộng thiên nhiên đẹp / Mây - Gió -
Trăng - Hoa - Tuyết - Núi - Sông / Nay ở trong thơ nên có
thếp / Nhờ thơ cũng phải biết xung phong.* (Nam Trân
dịch).

“*Nhật ký trong tù*” xuất bản lần đầu tiên năm 1960 đã
dịch câu thứ nhất trong bài là “*Thơ xưa yêu cảnh thiên
nhiên đẹp*”. Vì bỏ đi chữ “Thiên” nên câu thơ trở nên
cứng nhắc, mang tính khẳng định, làm sai ý của tác giả
và gieo vào lòng người đọc một sự hiểu lầm đáng tiếc!

Thiên là “thiên hương”, “thiên kiến”, “thường là”,
“thiên về”. . Hồ Chí Minh dùng từ ghép “thiên ái” không
phải là phê phán các nhà thơ cổ trong “Thiên gia thi” chỉ
yêu cảnh thiên nhiên đẹp.

Khi Người viết: “*Cổ thi thiên ái thiên nhiên mĩ / Sơn -
Thuỷ - Yên - Hoa - Tuyết - Nguyệt - Phong*”... là Người
chỉ nhận xét và chứng mục nào đó là thông tin.

Thơ Đường đã qua hơn 13 thế kỉ, đến nay vẫn được
xem là sản phẩm văn hoá vô giá của thời đại ấy - trong
thời đại mà “quân xử thần tử, thần bất tử thần bất
trung”; “Phụ xử tử vong, tử bất vong tử bất hiếu” hoặc trói
buộc người phụ nữ bằng “tam tòng” (tại gia tòng phụ,
xuất giá tòng phu, phu tử tòng tử) thì các nhà thơ đương
thời chỉ còn biết gửi gắm lòng mình vào “*thiên nhiên mĩ*”,
mượn mây - gió - trăng - hoa... để giải bày tâm sự...

Thơ Đường, nhất là thời thịnh Đường, thơ phát triển
rực rỡ nhất với những đại thi bá lữ lừng tiêu biểu cho
ba trường phái khác nhau: Tiên thi Lý Bạch đứng đầu
trường phái lãng mạn, Thánh thi Đỗ Phủ đứng đầu
trường phái hiện thực, Phật thi Vương Duy đứng đầu

trường phái “Sơn thủy tịnh tâm” bởi nhà thơ còn là một đệ tử sùng Phật hàng đầu ở Trung Hoa trung đại.

Tuy là ba trường phái khác nhau nhưng Tiên thi Lý Bạch, Thánh thi Đỗ Phủ và những môn đồ của hai phái này cũng có nhiều bài thơ về sơn thủy, về thiên nhiên nhưng ít hơn phái Phật thi Vương Duy.

*Người nhàn, hoa quế nhẹ rơi
Đêm xuân lặng ngắt trái đồi vắng tanh,
Trăng lên chim núi giạt mình
Tiếng kêu thủng thẳng đưa quanh khe đồi*

Vương Duy

(*Khe tiếng chim* - Ngô Tất Tố dịch)

*Lác đă riêng phong hạt móc sa
Ngàn lau hiu hắt khí thu hoà
Lưng trời sóng gợn lòng sông thẳm
Mặt đất mây đùn cửa ải xa*

Đỗ Phủ

(*Thi hướng* - Nguyễn Công Trứ dịch)

*Bình khang ôm bóng Nga My chảy
Mòn mỏi đêm thu nửa vầng trăng
Thanh Khê cuộn sóng reo Tam Hiệp
Du châu trông vọng bạn biết chăng*

Lý Bạch

(*Trông núi Nga My* - Nguyễn Văn Nam dịch)

Ba bài thơ trên của ba đại thi bá thời Thịnh Đường; tuy trường phái khác nhau, nhưng nhiều khi họ gặp nhau ở những bài thơ về thiên nhiên; gợi cảm từ thiên nhiên: một vùng mây trắng, một mảnh trăng le lói, ánh sao đêm hiu hắt, dòng sông và con dò... Sự hiện diện thiên nhiên trong thơ Trung Hoa cổ “...*thiên ái thiên nhiên mĩ*” chỉ như là thoáng qua, vô tình bắt gặp, một phác hoạ hay một tốc kí bút nho chấm phá đủ để gợi ra

cho người đọc liên tưởng. Thiên nhiên trong “cổ thi” Trung Hoa cũng có tiếng nói nhưng nhẹ nhàng, u tịch, xa vắng. Người đọc có thể cảm nhận tiếng gió rì rào, một cánh hoa rơi, một tiếng sáo từ đâu đó vang vọng lại. Thiên nhiên trong cổ thi Trung Hoa vừa thoáng nhẹ vừa lắng đọng, lại là môi giao cảm với con người nên nó chỉ gợi mà không tả. Nhà thơ không bao giờ bộc lộ mình mà thường để thiên nhiên, qua những câu thơ, những bài thơ nói hộ tâm trạng mình. Đọc một bài cổ thi Trung Hoa, ngoài cái “ý tại ngôn ngoại”, ta còn thấy âm nhạc, hội hoạ trong thơ. Trong thơ có hoạ, trong hoạ có nhạc. Chỉ với 4 câu 28 chữ (như ba bài thơ đã dẫn ở trên, một bài thơ Đường hay sẽ còn vang động trong lòng người đọc không những chỉ 1300 năm sau, mà sẽ còn mãi mãi với những người yêu cổ thi (thời kì nhà Đường khởi từ thế kỉ thứ 7 đến thế kỷ thứ 10 sau Công nguyên, sau đó là Tống, Nguyên) - (Thơ Đường, Từ Tống, Khúc Nguyên - PQT).

Thơ cổ Trung Hoa du nhập vào Việt Nam ngay từ khi nó xuất hiện bởi các nhà Nho, các nhà địa lý, các quan cai trị, các nhà tu hành theo đạo Phật.

Thơ Đường được các tầng lớp nhà Nho Việt Nam vô vấp đón nhận, tâm đắc. Điều dễ hiểu, các dân tộc sống cạnh kề nhau thường ảnh hưởng nhau trước hết về văn hoá (phong tục, tập quán, ngôn ngữ, chữ viết, lối sống...). Các tầng lớp nhà Nho Việt Nam (người có học chữ Hán, đỗ đạt...) say mê thơ Đường, nói chuyện thơ Đường, gửi gắm tâm sự của mình vào thơ Đường, dịch thơ Đường...

Ảnh hưởng qua lại giữa hai nền văn hoá Trung Hoa và Việt Nam ngày càng có chiều rộng, chiều sâu. Nhưng không vì thế, bên cạnh nền văn hoá khổng lồ và là một trong những nền văn minh sớm nhất của nhân loại, nền văn hoá Việt Nam không bị thôn tính, mai một không bị

đồng hoá - điều mà các quan cai trị nhà Đường rất mong muốn. Từ Đường, Tống, Nguyên Mông (Trung Hoa) với Việt Nam là Đinh, Lê, Lý, Trần, Hậu Lê... hai nền văn hoá, hai dân tộc, hai quốc gia vẫn song song tồn tại, phát triển với bản sắc riêng của dân tộc mình, quốc gia mình. Thậm chí, từ chữ Hán khó đọc, khó viết, các thế hệ nhà Nho, nhà thơ Việt Nam còn tạo ra một thứ chữ Nôm để làm ra những bài thơ Nôm phù hợp với ngôn ngữ Việt Nam, trong khi vẫn duy trì Hán tự và lối thơ Đường. Sức sống của dân tộc Việt chính là ở chỗ đó. Ảnh hưởng chỉ là ảnh hưởng!

Không riêng gì giữa Trung Hoa và Việt Nam; trên thế giới, qua các kì cổ đại, trung đại, ảnh hưởng về văn hoá giữa các dân tộc là chuyện bình thường. Điều quan trọng là dân Việt tiếp thu tinh tuý của thơ Đường, ngôn ngữ Hán nói chung để làm phong phú thêm cho ngôn ngữ Việt, thơ Nôm Việt, thuần Việt. Thậm chí, càng về sau, nhiều nhà Nho, nhà thơ Việt Nam làm thơ, viết văn còn hay hơn cả nhiều nhà Nho Trung Quốc. Chúng ta đã có những “Lưỡng quốc Trạng nguyên” như Mạc Đĩnh Chi, Phùng Khắc Khoan, v.v. “Thiên triều” phải kính nể, trọng vọng.

Về thi ca, nhiều nhà Nho, nhà thơ Việt Nam đã dùng chữ Nôm để viết thơ theo ngôn ngữ Việt (Nôm), bên cạnh những nhà Nho, nhà Hán học lừng lẫy như Nguyễn Trãi, Nguyễn Bỉnh Khiêm... kể đến Mạc Đĩnh Chi, Nguyễn Du, Lê Quý Đôn, Nguyễn Công Trứ, Cao Bá Quát kì tài... để Tự Đức - một ông vua hay chữ nhất trong các ông vua thời Nguyễn đã rất có lí và thực tế khi ông phân khích, tự hào:

*Văn như Siêu Quát vô Tiên Hán
Thi đáo Tùng Tuy thất thịnh Đường*

Độc Nhật ký trong tù - Đòi điều cảm nhận

Dân ta tiếp nhận thơ Đường nói riêng, sự tinh túy của văn hoá Trung Hoa nói chung một cách hài hoà, hoà nhưng không làm tan di bản thể văn hoá dân tộc mình. Đó là bản lĩnh và sức sống của người Việt.

Thơ Nôm Việt Nam theo lối thơ Đường cũng lấy thiên nhiên để gửi gắm cõi lòng riêng, thiên nhiên thì xa vắng, man mác, cõi lòng thì u hoài, tiếc nuối....

“Bước xuống đèo Ngang bóng xế tà / Cỏ cây chen đá, lá chen hoa / Lom khom dưới núi tiêu vài chú / Lác đác bên sông chợ mấy nhà / Nhớ nước đau lòng con cuộc cuộc / Thương nhà mỏi miệng cái gia gia / Dừng chân đứng lại trời non nước / Một mảnh tình riêng ta với ta” (Bà Huyện Thanh Quan).

Nguyễn Khuyến đôi khi cũng dễ mặc cho lòng mình trốn tránh hiện thực, trốn tránh trần thế. Ông lấy thiên nhiên làm cứu cánh để trong phút giây nào đó quên đi cảnh sống của lớp lớp bần cố nông quê Yên Đỗ của ông, quanh năm quần quai bán lưng cho trời, bán bụng cho đất, mùa lũ về trắng trời trắng đất, sống ngâm da, chết ngâm xương:

“Ao thu lạnh lẽo nước trong veo / Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo / Sóng nước theo làn hơi gợn tí / Lá vàng trước gió sẽ đưa vèo / Từng mây lơ lửng trời xanh ngắt / Ngõ trúc quanh co khách vắng teo / Tựa gối ôm cần lâu chẳng được / Cá đâu đớp động dưới chân bèo” (Thu điếu).

Hồ Chí Minh đã dành thiên nhiên cho thơ nói chung và “*Nhật ký trong tù*” nói riêng một sự hài hoà đáng kể, một vị trí đáng kể để nói về mình, những người quanh mình.

Khi cánh cửa sắt nhà ngục Tĩnh Tây vừa chốt chặt lại, Hồ Chí Minh nhìn lên trần nhà, lúc ấy mưa vừa tạnh. Trời sẽ nắng lên. Ta sẽ được tự do và hiện tại ta là “khách tự do”: “*Trong lao tù cũ đón tù mới / Trên trời*

mây tanh đuổi mây mưa / Tanh, mưa mây nổi bay đi hết / Còn lại trong tù khách tự do (Vào nhà lao huyện Tĩnh Tây - Nam Trân dịch).

Từ những ngày đầu trong nhà ngục kẻ thù, tâm trạng Người có thể bị xáo trộn một chút, nhưng người chiến sỹ cách mạng với người thơ vẫn là một - Người luôn luôn nhận được sự đồng cảm của thiên nhiên làm vơi đi những đau đớn, dằn vặt trong tù ngục: *"Hai giờ ngục mở thông hơi / Tù nhân ngẩng mặt ngắm trời tự do / Tự do tiên khách trên trời / Biết chăng trong ngục có người khách tiên /"* (Quá trưa - Nam Trân dịch)

Vậy khi viết *"Cảm tưởng đọc Thiên gia thi"* Hồ Chí Minh không hề có một ý tứ nào phê phán cự tuyệt. Hai câu đầu *"Thơ xưa thường chuộng thiên nhiên đẹp / Mây - Gió - Trắng - Hoa - Tuyết - Núi - Sông"* là sự hiểu biết của Người về thiên nhiên trong *"Thiên gia thi"*. Người không phủ nhận, cự tuyệt trong thơ cổ thường chuộng thiên nhiên đẹp. Cái chính là thiên nhiên nói với ta cái gì trong một bài thơ! Và ta suy nghĩ gì về cuộc đời, về cuộc sống qua thiên nhiên để nói với đời. Người muốn nói các nhà thơ cổ thường say cảnh đẹp thiên nhiên mà quên cuộc sống xã hội hiện tại. Thiên nhiên là thế giới riêng để các nhà thơ trốn vào đó thưởng thức, nhấm nháp cái tĩnh lặng của thiên nhiên; trốn tránh những cay đắng của cuộc sống xã hội đang diễn ra hàng ngày, trước mắt họ.

Sau khi đã nói cảm tưởng của mình (hữu cảm) về thơ cổ cách đây đã hàng trăm năm, hàng nghìn năm, Người viết: *"Nay ở trong thơ nên có thép / Nhà thơ cũng phải biết xung phong"*; Trong con người cách mạng kiệt xuất Hồ Chí Minh còn là một nhà thơ lớn luôn mong muốn làm sao giành lại quyền tự do, bình đẳng cho dân tộc mình. Nếu làm thơ thì thơ và những người làm thơ phải đi vào đời sống xã hội. Đây là nguồn cho thơ ngoài nguồn

thiên nhiên sẵn có trong trời đất. Hai nguồn đó trong thơ không bao giờ đối lập; thiên nhiên vào thơ, nâng cánh cho thơ bay bổng... mà vẫn là thơ!

Người hữu cảm, nhận xét. Người không phê phán.

Nhưng ở hai câu sau, có người cho rằng ý của tác giả là thơ phải cứng rắn như thép, người làm thơ phải là chiến sĩ xung phong ngoài trận tiền!

Hiểu như thế, diễn đạt ý thơ như thế là không biết cảm nhận thơ. Người ta đọc thơ như đọc văn xuôi vậy.

Hồ Chí Minh không yêu cầu thơ cổ phải như thơ ngày nay. Người chỉ nhận xét cái “thường chuộng” (thiên ái) thiên nhiên đẹp của các tác giả cổ thi là để trốn tránh cuộc đời, trốn tránh hiện thực; Nhà thơ nhăm nháp thiên nhiên, thiên nhiên vỗ về ru ngủ nhà thơ! Nhưng thiên nhiên đẹp có lỗi gì đâu? Nếu không có thiên nhiên thì cuộc sống chắc là giảm đi biết bao ý nghĩa. Mặt khác thiên nhiên không thể là tất cả. Nhà thơ Hồ Chí Minh không bao giờ có ý đối lập với các nhà thơ cổ và những bài thơ cổ. Nhiều bài thơ của Người cũng đủ cả trăng, gió, mây... đấy thôi. Điều chủ yếu ở đây là cách nhìn của nhà thơ với thiên nhiên: *“Chín ngày mưa tạnh một ngày/ Ngán cho con tạo khéo hay vô tình/ Giày bong, chân lấm, đường sinh/ Dặm xa mình vẫn nhủ mình dần lên”* (Mưa lâu - Huệ Chi dịch).

Ở xứ ta, thời Thơ mới, không ít nhà thơ “thường chuộng” thiên nhiên đẹp để rồi chối với, lạc lõng, trốn tránh thực tại. Bởi vì, họ khẳng định, họ tuyên bố: ... *Là thi sĩ nghĩa là ru với gió/ Mơ theo trăng và vợ vẫn cùng mây...* (Xuân Diệu). Cũng là trăng đấy nhưng trăng của Vũ Hoàng Chương lại quá lẻ loi: *Trăng của nhà ai trăng một phương/ Nơi đây rượu đắng mưa đêm trường/...* Cũng là thu đấy nhưng thu của Lưu Trọng Lư thì:

.../Anh nghe chãng mùa thu/Lá thu rơi xào xạc/Con nai vàng ngơ ngác/Đạp trên lá vàng khô/...

Chúng ta đã được cảm, được rung một nhịp với Hồ Chí Minh khi Người viết những bài về trăng trong ngục tù Quốc dân đảng Trung Quốc ở Tĩnh Tây, ở Liễu Châu. Trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, lãnh tụ vô cùng kính yêu của chúng ta, thi nhân Hồ Chí Minh đã viết nhiều thơ về trăng, về mùa thu, cũng là một cách nhấn nhủ ân cần với các nhà thơ chúng ta: “*Nay ở trong thơ nên có thép*”:

Báo tiếp

*Nguyệt thôi song vấn: - Thi thành vị?
Quân vụ nhưng mang vị tố thi
Sơn lâu chung hưởng kinh thu mộng
Chính thị Liên khu tiếp báo thi*

*Trăng vào cửa sổ đòi thơ/Việc quân đang bận xin chờ
hôm sau/Chuông lầu chợt tỉnh giấc thu/Ấy tin thắng
trận Liên khu báo về (Tin thắng trận - Huy Cận dịch).*

*Trù hoạch canh thâm tiệp đắc nhàn
Thu phong thu vũ báo thu hàn
Hốt văn thu địch sơn tiền hưởng
Du kích qui lai tửu vị tàn*

*Bàn việc canh chày mới tạm ngơi/Gió mưa thu báo
lạnh thu rồi/Còi thu hồng rúc vang rừng núi/Du kích về
rồi, rượu chữa vơi (Đêm thu).*

“*Nay ở trong thơ nên có thép*” hoàn toàn không có nghĩa là Hồ Chí Minh yêu cầu đưa thép vào thơ, yêu cầu thơ phải rắn như thép; “*Nhà thơ cũng phải biết xung phong*” ra trận, biết bắn súng như một chiến sĩ quân đội.

Nguyên bản chữ “Hiện đại” là “ngày nay”, “bây giờ”; “ưng” là “nên” - “Hiện đại thì trung ưng hữu thiết”.

Người không ra tuyên ngôn về thơ, không dạy bảo người thơ phải viết thơ như thế nào? Người chỉ phát biểu cảm tưởng của mình về cổ thi.

Cuộc sống con người bao giờ và lúc nào cũng khao khát một lẽ sống cao đẹp, công bằng xã hội, quyền tự do bình đẳng của con người được tôn trọng. Nhà thơ phải đi vào đời sống xã hội góp phần làm cho đời sống xã hội tốt đẹp hơn lên.

Không có thiên nhiên không thành thơ. Nhưng nói thiên nhiên chỉ để mà, thổn thức, ai oán cuộc đời và số phận, trốn tránh hiện thực, thơ ấy sẽ không bao giờ được bạn đọc hoan nghênh.

VỀ BÀI THƠ “MỎI RA TÙ TẬP LEO NÚI”

Bài “*Tân xuất ngục trung học đặng sơn*” (Mỏi ra tù tập leo núi) là bài thơ cuối cùng (bài thứ 135) trong tập “*Nhật ký trong tù*” Người viết sau khi đã được trả “tự do trong khuôn khổ” ngày 10/9/1943.

Buổi trưa hôm ấy, sau khi từ Trùng Khánh bay về Liễu Châu, Tướng Hầu Chí Minh - Chủ nhiệm Cục Chính trị Đệ tứ Chiến khu cho mời một số sĩ quan cao cấp trong Cục đến phòng họp lớn vào giờ cùng ngày.

Sau đó ông đi nhanh tới nhà biệt giam Hồ Chí Minh cách đó không xa, lệnh cho người sĩ quan chỉ huy trung đội vệ binh mở khoá cổng, khoá cửa. Ông xăm xăm bước vào phòng giam.

Thấy Hầu Chí Minh đến, người tù Hồ Chí Minh đứng lên chỉ vào chiếc ghế mời ngồi, còn mình thì ngồi xuống cạnh giường.

Bao giờ cũng thế, mỗi lần đến nhà biệt giam, tiếp xúc với Hồ Chí Minh, Tướng Hầu Chí Minh thường dùng tiếng Anh để nói chuyện:

- Ngài có khoẻ không?

Hồ Chí Minh thông thả trả lời lại bằng tiếng Anh:

- Cảm ơn, tôi vẫn thế, như ngài thấy đấy!

Nét mặt rạng rỡ, giọng nói xởi lởi, Tướng Hầu Chí Minh trình trọng nói với Hồ Chí Minh:

- Thưa ngài, tôi vui mừng báo để ngài biết: Ngài Tưởng Uỷ viên trưởng (Tổng thống Tưởng Giới Thạch) đã có lệnh trả tự do cho ngài. Tôi đến đây để đón ngài ra ngoài. Nào, ta mau ra khỏi nơi này...!

- Cảm ơn ngài!

Đợi một lát để Hồ Chí Minh thu xếp đồ đạc, quần áo, mừng mần; Hầu Chí Minh dắt tay Hồ Chí Minh qua cửa nhà giam ra sân. Ông cùng Hồ Chí Minh qua khuôn viên Cục Chính trị, bước vào phòng họp lớn của Cục Chính trị.

Tại đây nhiều sĩ quan cao cấp của Cục Chính trị Đệ tứ Chiến khu đã tề tựu. Họ đứng lên chào Cục trưởng và người khách vừa thoát khỏi nhà biệt giam.

Cục trưởng Hầu Chí Minh phác một cử chỉ mời mọi người ngồi xuống, rồi trình trọng giới thiệu:

- Tôi xin giới thiệu với quý vị: Đây là ngài Hồ Chí Minh.

Theo lệ thường, mọi người vỗ tay hoan nghênh.

Hình như ông Tưởng Cục trưởng Cục Chính trị Đệ tứ chiến khu định nói thêm một câu gì đó, nhưng ông đã dừng lại. Ông mời Hồ Chí Minh ngồi xuống ghế, rồi cầm chén trà nóng đưa tới trước mặt Hồ Chí Minh:

- Mời ngài xơi nước!

Hồ Chí Minh đáp lễ:

- Xin chào các ngài!

Lát sau, hai người lính đến mời Hồ Chí Minh tới một căn phòng nhỏ bên cạnh thư viện Cục. Tại đây họ đã kê

sẵn một giường nằm, bàn làm việc và ghế... Người ta còn mang đến cho Hồ Chí Minh vài bộ quần áo lính vải thô để Người thay đổi. Họ chỉ cho Người nhà ăn, nhà tắm, nhà vệ sinh...

Hồ Chí Minh đã được trả tự do, nhưng là “tự do trong khuôn khổ”. Người chỉ được đi lại trong thành phố Liễu Châu. Họ chưa cho Người trở về Việt Nam.

Mới bốn tháng Người đã .../ *Răng rụng mất một chiếc / Tóc bạc thêm mấy phần / Gầy đen như quỷ đói / Ghế lở mọc đầy thân /* (Khổ 3 - Bốn tháng rồi - Nam Trân dịch). Cho đến ngày 10/9/1943, Người đã bị giam giữ trái phép, bị tước đoạt quyền tự do mười ba tháng mười hai ngày, mất Người đã mờ, chân bước đi không vững...

Đây là lúc cần phải lấy lại sức khỏe, ngoài việc ăn uống điều độ (có hai lần Tướng Hầu Chí Minh cùng ngồi ăn cơm với Người trong nhà ăn tập thể của Cục), tôi tới Người đứng rất lâu nhìn vào bức tường trong phòng ngủ để lấy lại thị lực, sáng sáng Người dậy rất đúng giờ, đi tản bộ trong khuôn viên Cục Chính trị, thậm chí bên ngoài khuôn viên rồi đi vài lần bài quyền dưỡng sinh. Nghe nói bài quyền dưỡng sinh này là do Tướng Hầu Chí Minh tặng Người. Trời Liễu Châu cuối thu đầu đông đã se lạnh, vậy mà có sáng Người đã chạy bộ ra bờ sông Liễu (Liễu Giang) bơi ra giữa dòng rồi quay vào bờ.

Ông Hoàng Diên (Vũ Trường Khê) nhớ lại trong một bài hồi kí: *Sáng sớm một ngày chủ nhật, tôi tìm đến chỗ Người ở (trong Cục Chính trị), người ta nói với tôi: “Hồ bá bá (Bác Hồ) đã ra sông tắm rồi”. Tôi vội chạy qua cầu, sang bên kia sông, xuôi về phía có bãi tắm thì thấy Bác đang bơi từ giữa dòng vào bờ. Từ xa vọng lại tiếng nhạc ngựa rung ngày một gần. Tôi nhận ra Tướng Tư lệnh Đệ tứ chiến khu Trương Phát Khuê. Đến gần bãi*

Nguyễn Ái Quốc với Nhật ký chìm tàu

viết thêm hai câu bạch thoại: “*Chúc chư huynh ở nhà mạnh khoẻ và cố gắng công tác. Ở bên này bình yên!*”

Người đầu tiên nhận ra nét chữ Hồ Chí Minh trên tờ “Quảng Tây nhật báo” là ông Đặng Văn Cáp, sau đó là ông Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp.

Còn niềm vui nào hơn đối với các đồng chí của Người đang từng ngày, từng giờ mong tin Người ở chân trời góc biển, nơi hang hùm nọc rắn xứ Tàu!

Bốn câu thơ dịch như trên tưởng cũng là hay rồi. Nhưng ở hai câu ba và bốn xét ra có những chữ chưa thật sát nghĩa, sát ý, câu thơ trở nên kém tú, khập khiễng. Chữ “độc” không thể dịch là dạo - dạo bước. Độc bộ là đi một mình. Dạo bước thì không thể nào bồi hồi được. Tâm trạng Hồ Chí Minh lúc ấy là rất bồi hồi; bồi hồi mới đúng là tâm trạng của Người. Dạo là thông thả, đi dạo, đi chơi trong một trạng thái tâm lí thanh thản.

Chữ Lĩnh là con đường mòn trên đỉnh núi, người dịch để nguyên, độc giả vẫn hiểu được.

Câu thứ tư, chữ “Dao vọng” dịch là “Trông lại” hoàn toàn sai với ý thơ trong nguyên tác. “Viễn” là xa (không gian), một từ chung để chỉ độ xa. “Viễn vọng kính” là ống kính nhìn xa). “Dao” cũng là xa, xa bốn chồn, xa thương nhớ khắc khoải. Chữ Dao đi với chữ Vọng thành một từ ghép, Hồ Chí Minh dùng ở câu bốn bởi nó đúng với tâm trạng Người lúc đó.

Vậy nên dịch câu 3, câu 4 như sau:

Bồi hồi bước một Tây Phong lĩnh

Vời vợi trời Nam nhớ bạn xưa

Ta nhớ đến một đoạn trong “Chinh phụ ngâm”: .../
*Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy/Thấy xanh xanh
những mấy ngàn dâu/Ngàn dâu xanh ngắt một màu/
Lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai/.*

Tôi đọc ở đâu đó, một nhà phê bình văn học có tiếng ở nước ta đã nhận xét câu “mở”: Tác giả tuy đã phải trải qua cảnh tù đầy kìm kẹp của nhà cầm quyền Quốc dân đảng Trung Hoa trong 18 nhà giam. Đây là thể hiện sự đen tối vây hãm!

Vậy, về thứ hai của câu này: “sơn ủng vân” (núi ôm mây) thì giải thích như thế nào?

Đành rằng, nghệ thuật không thể tách rời đời sống xã hội; nhưng không nên “chính trị hoá”, “tư tưởng hoá” nghệ thuật, thi ca một cách sống sượng như vậy.

Câu thứ hai tả dòng sông (dòng Liễu Giang) phẳng lặng, trong xanh, không chút bụi. Câu thơ hàm chứa tâm sự của tác giả: Tuy bị nhà cầm quyền Quốc dân đảng Trung Hoa giam giữ Người hơn một năm trời trong 18 nhà giam; Nhưng Người vẫn son sắt một lòng trong sáng như dòng sông trong xanh dưới kia, trong như kính, không vướng bụi. Đây không phải là một câu thơ ngẫu nhiên mà thành. Người tù Hồ Chí Minh với ý chí, “uy vũ bất năng khuất” chịu đựng tất cả mọi khổ cực, đối rết để chiến thắng!

“Lòng sông gương sáng bụi không mờ”.

Câu thứ ba, câu “chuyển” là tâm trạng của nhà thơ lúc này: một mình bồi hồi, rạo rức trên đỉnh núi Tây Phong,

“Bồi hồi dạo bước Tây Phong lĩnh”

Câu kết:

“Trông lại trời Nam nhớ bạn xưa”.

Người về phòng nghỉ trong khuôn viên Cục Chính trị để viết bài thơ lên giấy. Sau Người chép bài thơ trên lễ tờ “Quảng Tây nhật báo” gửi về trong nước. Bài thơ là tín hiệu báo cho các đồng chí mình biết Người đã thoát khỏi ngục tù Quốc dân đảng. Ngoài bài thơ, Người còn

Nguyễn Ái Quốc với Nhật ký chìm tàu

tắm, ông ta xuống ngựa, cũng là lúc Bác đã bơi vào gần bờ. Ông ta nói vọng xuống:

- Chào Hồ tiên sinh! Ngài chịu được cái lạnh phương Bắc chúng tôi thật tuyệt.

Hồ Chí Minh đáp lại:

- Không dám! Không dám... Xin lỗi ngài nhé!

Nói rồi Người lại bơi ra giữa dòng.

Liễu Châu bao bọc bởi những dãy núi đá vôi, núi đất nhiều cây cổ thụ. Tây Phong là một ngọn núi ở phía Tây cách trung tâm thành phố vài ba cây số. Đứng trên đỉnh ngọn Tây Phong, ta có thể trông rõ dòng Liễu Giang nước trong xanh ôm lấy thành phố (ngày nay, thành phố mở rộng, dòng Liễu Giang lại nằm ở giữa thành phố có nhiều cây cầu nối hai bờ).

Hồ Chí Minh đã từng đi bộ đến Tây Phong. Người theo con đường mòn lên núi cao, cao mãi. Đến một nơi quang đãng, Người dừng lại quay về phía trời Nam. Từ đây, một bài thơ ra đời, bài “*Tân xuất ngục trung học đăng sơn*”!

Vân ứng trùng sơn, sơn ứng vân

Giang tâm như kính tịnh vô trần

Bồi hồi độc bộ Tây Phong lĩnh

Dao vọng Nam thiên ức cố nhân

Đây là một trong những bài thơ hay, rất hay, đậm đặc bút pháp cổ thi điêu luyện; đúng như nhận xét của ông Quách Mạt Nhược - cố Viện trưởng Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Trung Quốc: ... “Nếu để lẫn với các bài thơ Đường thì khó mà phân biệt được...!”

Tuy câu dịch đảo theo nguyên tác nhưng vẫn toát lên được ý thơ! Câu “mở” chỉ cốt gợi cảnh núi mây trùng điệp ở Liễu Châu để sau đó, tác giả hạ câu “thừa” dẫn hoàn chỉnh tứ thơ tác giả định viết.

Người chồng và người vợ khi phải chia tay nhau; hai người đi ngược chiều nhau; khi ngoảnh lại nhìn nhau, không thấy nhau chỉ thấy ngàn dâu xanh biếc. Vậy chữ “trông lại” ở đây chỉ là động tác “trông, nhìn”. Họ không thấy nhau, chỉ thấy xanh xanh những ngàn dâu hút tầm mắt...

“*Mời ra tù tập leo núi*” còn có một bài dịch nữa của T.LAN in trong “*Vừa đi đường vừa kể chuyện*” của cùng tác giả, Nhà xuất bản Sự Thật xuất bản lần thứ 2 năm 1976, T.LAN ghi là “*Nam vọng trùng dương...*” thay vì *Dao vọng Nam thiên*, nghĩa là nhìn hun hút về trời Nam. Bài dịch của T.LAN như sau:

*Mây ôm núi, núi ôm mây
Lòng sông sạch chẳng mấy may bụi hồng
Bụi ngùi đạo đỉnh Tây Phong
Trông về cố quốc chạnh lòng nhớ ai.*

Bài dịch của T.LAN nói trọn cái hồn, cái thần của nguyên tác, bởi tác giả và dịch giả là một người - là Hồ Chí Minh.

MỤC LỤC

. LỜI GIỚI THIỆU	5
. NGUYỄN ÁI QUỐC VỚI <i>NHẬT KÝ CHÌM TÀU</i>	7
. ĐƯỜNG VỀ PẮC BÓ	54
. NGƯỜI ĐỔI TÊN LÀ HỒ CHÍ MINH TỪ BAO GIỜ?	141
. VỀ ĐỔI CỦA HỒ CHÍ MINH	162
. ĐỌC <i>NHẬT KÝ TRONG TÙ</i> - ĐÔI ĐIỀU CẢM NHẬN	169
Nhà báo lòng danh - lấp lánh một nhà thơ lớn	
Một hồn thơ lớn của nhà thơ lớn	
không ham làm thơ	
Tiếng lòng của một nhà thơ	
“đại nhân” “đại trí” “đại dũng”	
Thiên nhiên trong “ <i>Nhật ký trong tù</i> ”	
. VỀ BÀI THƠ <i>MỐI RA TÙ TẬP LEO NÚI</i>	224



Tên Khai Sinh : Phạm Quý Thích
Bút danh : Phan Mai- Mai Phan
Sinh năm : Tân Mùi(1931)
Nguyên quán : Thôn Hậu Bông, Xã Quang Minh,
Huyện Gia Lộc, Tỉnh Hải Dương
Nghề nghiệp xã hội : Viết báo chuyên nghiệp

SÁCH ĐÃ XUẤT BẢN:

- | | |
|--|------------------------------------|
| 1- Lỗ Tấn với bạn bè thừa nhỏ | : NXB Kim đồng (1959) |
| 2- Mao Trạch Đông thời thơ ấu và niên thiếu | : NXB Kim đồng (1960) |
| 3- Mười bộ mặt đặc vụ thời Tưởng Giới Thạch (dịch) | : NXB Công an nhân dân (2004) |
| 4- Theo dấu chân Người | : NXB Công an nhân dân (2005) |
| 5- Chuyện xảy ra sau chiến tranh (tiểu thuyết) | : NXB Công an nhân dân (2006) |
| 6- Nhà báo Hồ Chí Minh và những bài viết ở Quế Lâm | : NXB Công an nhân dân (2007) |
| 7- Bác Hồ ở Quảng Tây | : NXB Công an nhân dân (2007) |
| 8- Người về (bản tiếng Anh in chung) | : NXB Temple florida Hoa Kỳ (2008) |
| 9- Nguyễn Ái Quốc với Nhật ký chìm tàu | : NXB Thanh Niên (2008) |

SÁCH SẼ XUẤT BẢN:

- Chiến tranh (Truyện ngắn)
- Nghĩ về chữ Thời (Tạp văn)

Người đổi tên Hồ Chí Minh



DVL03083

Giá 32000

